

THÔNG BÁO

Mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 29/6/2018;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai trân trọng kính mời quý cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai như sau:

1. Thời gian và địa điểm tổ chức:

- Thời gian: từ 7h00' đến 11h30' Thứ 7 ngày 10 tháng 4 năm 2021.
- Địa điểm: Hội trường công ty đời 117 nhà máy nước Lào Cai, phường Lào Cai, TP Lào Cai.

2. Thành phần tham dự: Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai có tên trong danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số V143/2021-LWS/VSD-ĐK ngày 16/3/2021 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp.

3. Nội dung cuộc họp:

- Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2020, phương hướng nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.
- Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021.
- Tờ trình thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.
- Tờ trình về phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch năm 2021.
- Tờ trình về thù lao của thành viên BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả thù lao thành viên HĐQT không điều hành, thành viên BKS không chuyên trách năm 2021.
- Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021.
- Tờ trình thông qua Điều lệ sửa đổi 2021, thông qua Quy chế quản trị nội bộ công ty năm 2021, thông qua Quy chế hoạt động HĐQT, BKS.
- Bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016-2021.
- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông:

Tài liệu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được đăng tải tại website của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai

www.capnuoclaocai.com.vn hoặc www.capnuoclaocai.vn mục **Công bố thông tin**. Ban tổ chức đại hội sẽ phát tài liệu cho quý cổ đông khi đến tham dự đại hội.

5. Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự đại hội:

- Quý cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp. Việc ủy quyền phải lập thành văn bản (theo mẫu). Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

- Quý cổ đông không tham dự, cũng như không ủy quyền lại cho người khác tham dự cuộc họp, được xem như là tự nguyện từ bỏ quyền tham dự cuộc họp. Mọi thắc mắc, khiếu nại sẽ không được giải quyết.

- Để đại hội được tổ chức chu đáo, kính đề nghị quý cổ đông vui lòng đăng ký theo phiếu xác nhận (*gửi kèm công văn*) gửi trực tiếp, qua đường bưu điện, fax hoặc email cho Ban tổ chức đại hội trước 17h00' ngày 05 tháng 4 năm 2021.

- Quý cổ đông tham dự đại hội vui lòng mang theo bản chính CMND (hoặc hộ chiếu) và mặc trang phục lịch sự.

Địa chỉ liên lạc:


Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai

Số 037 Nguyễn Huệ, Phường Lào Cai, TP Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

Điện thoại: (0214) 3830 224 - Fax: (0214) 3830 224

Website: www.capnuoclaocai.com.vn hoặc www.capnuoclaocai.vn

Email: minhlawaco@gmail.com hoặc nguyenthuyphuong32@gmail.com.

Xin trân trọng thông báo. / 

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Thanh Phương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



PHIẾU XÁC NHẬN
THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI

Tên tổ chức/cá nhân:
Số CMND/ĐKKD: cấp ngày: .../.../ tại:.....
Địa chỉ:
Điện thoại:
Hiện đang sở hữu: cổ phần của Công ty Cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai.

(Bằng chữ: cổ phần)

Tôi/Chúng tôi đã nhận được thông báo mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai, nay xin xác nhận như sau:

- : Có tham dự.
: Không tham dự.
: Không tham dự, Ủy quyền cho người khác tham dự (có giấy ủy quyền kèm theo)

....., ngày ... tháng ... năm 2021

CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý: Cổ đông đánh dấu tích [X] vào 1 trong 3 ô trên, gửi phiếu xác nhận tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 về Bà: Nguyễn Thúy Phương - Phó trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai (Địa chỉ: 037 Nguyễn Huệ, Tp Lào Cai, tỉnh Lào Cai) trước 17h00 ngày 05/4/2021.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY ỦY QUYỀN

THAM DỰ ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai

Tôi tên là:

(Sau đây gọi là Người ủy quyền)

Số CMND: cấp ngày: tại:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

Hiện đang sở hữu: cổ phần của Công ty Cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai.

(Bằng chữ: cổ phần)

Do không có điều kiện tham gia trực tiếp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai, nay Tôi ủy quyền cho :

Ông/Bà:

Số CMND: cấp ngày: .../.../..... tại:.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

(Sau đây gọi là Người được ủy quyền)

Thay mặt tôi thực hiện các công việc sau đây với tư cách là đại diện cho tất cả số cổ phần mà tôi đang sở hữu:

- Tham dự Đại hội.
- Phát biểu ý kiến về các vấn đề thảo luận tại Đại hội.
- Biểu quyết các vấn đề được đưa ra trình tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Ký các giấy tờ cần thiết.

Người được ủy quyền có nghĩa vụ phải thực hiện đúng nội dung Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông, không được ủy quyền lại cho Bên thứ ba và có trách nhiệm thông báo lại kết quả Đại hội cho Người ủy quyền.

Nếu người được ủy quyền do bất cứ một lý do cá nhân nào đó vắng mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì số cổ phần do tôi ủy quyền sẽ coi như vắng mặt tại Đại hội.

Thời hạn ủy quyền từ ngày ký đến khi Đại hội kết thúc hoặc thay thế bằng văn bản hủy bỏ việc ủy quyền của Người ủy quyền gửi đến Ban tổ chức trước giờ khai mạc Đại hội.

Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai, được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau và mỗi bên giữ 01 (một) bản.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự ủy quyền này và cam kết không có bất kỳ sự khiếu nại nào về sau./.

....., ngày.... tháng..... năm 2021

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Lưu ý: Cổ đông gửi Giấy ủy quyền này về Bà: Nguyễn Thúy Phương - Phó trưởng phòng TCHC Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai (Địa chỉ: 037 Nguyễn Huệ, Tp Lào Cai, tỉnh Lào Cai), trước 17h00 ngày 05/4/2021.



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI (LAWASUCO)

Địa chỉ: Số 037 Nguyễn Huệ - Phường Lào Cai - TP Lào Cai - Tỉnh Lào Cai

Tel: (0214) 3830 224 - Fax: (0214) 3830 224

Website: www.capnuoclaocai.com.vn hoặc www.capnuoclaocai.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian: 7h00' ngày 10/4/2021 (Thứ 7)

Địa điểm: Hội trường công ty đời 117 nhà máy nước Lào Cai, phường Lào Cai, TP Lào Cai.

Thời gian	Nội dung	Trách nhiệm
07h00' - 07h30'	Đón tiếp đại biểu; Đăng ký cổ đông tham dự đại hội và phát tài liệu	ô. Phùng Minh; ô. Thám; bà Phượng
07h30' - 07h45'	Ôn định tổ chức; Chào cờ	Phạm Hồng Quảng
07h45' - 07h50'	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Phạm Hồng Quảng
07h50'-08h10'	- Thông qua chương trình, quy chế Đại hội. - Giới thiệu Đoàn chủ tịch và Chủ tọa đại hội, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu để Đại hội thông qua.	Lê Văn Mật
8h10'-08h15'	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội	Đặng Văn Thám
8h15'-09h30'	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.	Phạm Hồng Quảng
	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021.	Ngô Thanh Phương
	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021.	Lê Thị Hồng Vân
	Các tờ trình thông qua BCTC đã kiểm toán năm 2020; phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020, dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021; tờ trình thông qua quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát; Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021;	Phạm Thị Hằng
	Tờ trình thông qua Điều lệ sửa đổi 2021, thông qua Quy chế quản trị nội bộ công ty năm 2021, thông qua Quy chế hoạt động HĐQT, BKS	Phạm Phương Thanh
9h30' - 10h00'	Đại hội thảo luận các báo cáo, tờ trình trên và biểu quyết thông qua các báo cáo tờ trình.	Ngô Thanh Phương
10h00'-10h15'	Hướng dẫn biểu quyết & biểu quyết	Lê Hoàng Vũ
	Kiểm phiếu (Đại hội nghỉ giải lao)	
	Công bố kết quả kiểm phiếu	Lê Hoàng Vũ
10h15'-11h00'	Bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026	Lê Hoàng Vũ
11h00'-11h05'	Đại hội nghỉ giải lao	

11h05'-11h15'	Công bố kết quả bầu HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026	Lê Hoàng Vũ
11h15' - 11h30'	Ban thư ký trình bày Biên bản của Đại Hội và dự thảo Nghị quyết Đại hội	Phùng Ngọc Minh
	Biểu quyết thông qua Nghị quyết và Biên bản của Đại hội.	Ngô Thanh Phương
	Bế mạc Đại hội	Ngô Thanh Phương

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI (LAWASUCO)

Địa chỉ: Số 037 Nguyễn Huệ - Phường Lào Cai - TP Lào Cai - Tỉnh Lào Cai

Tel: (0214) 3830 224 - Fax: (0214) 3830 224

Website: www.capnuoclaocai.com.vn hoặc www.capnuoclaocai.vn

TÀI LIỆU ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

(Dành cho các cổ đông)

Lào Cai, tháng 4 năm 2021



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI (LAWASUCO)

Địa chỉ: Số 037 Nguyễn Huệ - Phường Lào Cai - TP Lào Cai - Tỉnh Lào Cai

Tel: (0214) 3830 224 - Fax: (0214) 3830 224

Website: www.capnuoclaocai.com.vn hoặc www.capnuoclaocai.vn

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

STT	TÊN TÀI LIỆU	GHI CHÚ
1	Chương trình đại hội	Ban tổ chức
2	Danh sách cổ đông tham dự Đại hội	Ban tổ chức
3	Quy chế làm việc ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	Ban tổ chức
4	Báo cáo của Ban TGD về kết quả SXKD năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021	Ban TGD
5	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021.	HĐQT
6	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021.	BKS
7	Tờ trình thông qua BCTC năm 2020 đã được kiểm toán. (BCTC đã được kiểm toán đầy đủ có thể download trên website của công ty tại địa chỉ: www.capnuoclaocai.com.vn hoặc www.capnuoclaocai.vn)	HĐQT
8	Tờ trình thông qua phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020; dự kiến phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021	HĐQT
9	Tờ trình thông qua thông qua quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của thành viên HĐQT, Ban TGD, BKS năm 2020; kế hoạch năm 2021	HĐQT
10	Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021	HĐQT
11	Tờ trình thông qua Điều lệ sửa đổi 2021, thông qua Quy chế quản trị nội bộ công ty năm 2021, thông qua Quy chế hoạt động HĐQT, BKS	HĐQT
12	Các nội dung khác	Ban tổ chức



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI (LAWASUCO)
Địa chỉ: Số 037 Nguyễn Huệ - Phường Lào Cai - TP Lào Cai - Tỉnh Lào Cai
Tel: (0214) 3830 224 - Fax: (0214) 3830 224
Website: www.capnuoclaocai.com.vn hoặc www.capnuoclaocai.vn

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian: 7h00', ngày 10/4/2021 (Thứ 7)

Địa điểm: Hội trường công ty đồi 117 nhà máy nước Lào Cai, phường Lào Cai, TP Lào Cai.

Thời gian	Nội dung	Trách nhiệm
07h00' - 07h30'	Đón tiếp đại biểu; Đăng ký cổ đông tham dự đại hội và phát tài liệu	ô. Phùng Minh; ô. Thám; bà Phượng
07h30' - 07h45'	Ôn định tổ chức; Chào cờ	Phạm Hồng Quảng
07h45' - 07h50'	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Phạm Hồng Quảng
07h50'-08h10'	- Thông qua chương trình, quy chế Đại hội. - Giới thiệu Đoàn chủ tịch và Chủ tọa đại hội, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu để Đại hội thông qua.	Lê Văn Mật
8h10'-08h15'	Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội	Đặng Văn Thám
8h15'-09h30'	Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.	Phạm Hồng Quảng
	Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021.	Ngô Thanh Phương
	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021.	Lê Thị Hồng Vân
	Các tờ trình thông qua BCTC đã kiểm toán năm 2020; phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020, dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021; tờ trình thông qua quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát; Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021;	Phạm Thị Hằng
	Tờ trình thông qua Điều lệ sửa đổi 2021, thông qua Quy chế quản trị nội bộ công ty năm 2021, thông qua Quy chế hoạt động HĐQT, BKS	Phạm Phương Thanh
9h30' - 10h00'	Đại hội thảo luận các báo cáo, tờ trình trên và biểu quyết thông qua các báo cáo tờ trình.	Ngô Thanh Phương
10h00'-10h15'	Hướng dẫn biểu quyết & biểu quyết	Lê Hoàng Vũ
	Kiểm phiếu (Đại hội nghị giải lao) Công bố kết quả kiểm phiếu	Lê Hoàng Vũ
10h15'-11h00'	Bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026	Lê Hoàng Vũ
11h00'-11h05'	Đại hội nghị giải lao	

11h05' - 11h15'	Công bố kết quả bầu HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026	Lê Hoàng Vũ
11h15' - 11h30'	Ban thư ký trình bày Biên bản của Đại Hội và dự thảo Nghị quyết Đại hội	Phùng Ngọc Minh
	Biểu quyết thông qua Nghị quyết và Biên bản của Đại hội.	Ngô Thanh Phương
	Bế mạc Đại hội	Ngô Thanh Phương

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Lào Cai, ngày 10 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ TỔ CHỨC
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 29/6/2018;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai được tổ chức và thực hiện theo Quy chế tổ chức sau đây:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai diễn ra đúng quy định và thành công.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng:** Tất cả các cổ đông, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và

có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 4. Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai và người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số V143/2021-LWS/VSD-ĐK ngày 16/3/2021 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp) đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông;
2. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền sau đây được gọi là “Đại biểu” khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội;
3. Trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông, Đại biểu phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;
4. Các Đại biểu phải giữ bí mật, thực hiện đúng chế độ sử dụng và bảo quản tài liệu, không sao chép, ghi âm đưa cho người ngoài Đại hội khi chưa được Đoàn Chủ tịch cho phép
5. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;
6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội, tất cả các máy điện thoại di động phải được tắt hoặc không để chuông.

Điều 5. Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch gồm 05 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 04 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn Chủ tịch và là Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo Chương trình của Hội đồng quản trị (HĐQT) được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội;
 - b. Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch:
Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 6. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa giới thiệu (thông qua Ban Tổ chức Đại hội); Chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - a. Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra tư cách Đại biểu dự họp (khi cần thiết);
 - b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và gửi thông báo của Đoàn Chủ tịch đến các Đại biểu khi được yêu cầu;

- c. Tiếp nhận, rà soát Phiếu thảo luận, các ý kiến của Đại biểu, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định;
- d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản Đại hội;
- e. Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 7. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách Đại biểu:
Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông đến dự họp.
Trưởng Ban kiểm tra tư cách Đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng Đại biểu dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai được tiến hành.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 05 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 04 thành viên do Chủ tọa giới thiệu (thông qua Ban Tổ chức Đại hội) và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
 - Xác định chính xác kết quả biểu quyết tại Đại hội;
 - Nhanh chóng thông báo kết quả kiểm phiếu cho Ban Thư ký;
 - Thực hiện việc kiểm phiếu bầu cử theo quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử tại Đại hội.
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết, bầu cử hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả kiểm phiếu.

Điều 9. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:
 - Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
 - Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu thảo luận và chuyển cho Ban Thư ký;
 - Ban Thư ký sẽ sắp xếp các Phiếu thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;
 - Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu. Mỗi Đại biểu phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.
2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:
 - Trên cơ sở Phiếu thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;

- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty Cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề.

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận công khai và tiến hành biểu quyết công khai bằng thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín bằng phiếu biểu quyết.
- Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết; được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHĐCĐ). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:
 - + Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; Thành phần Ban kiểm phiếu; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
 - + Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: hình thức này được dùng để thông qua các nội dung tờ trình Đại hội, được xác định và ghi rõ trong từng phiếu biểu quyết gửi cho mỗi cổ đông.

2. Cách thức biểu quyết:

- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 2 Điều này.
- Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như việc biểu quyết cho vấn đề đó là không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm phiếu/Ban kiểm tra tư cách đại biểu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến, Không hợp lệ.
- Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

3. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:
 - Phiếu không phải do Ban tổ chức phát ra.
 - Phiếu không có đầy đủ chữ ký và ghi rõ họ tên của Đại biểu;
 - Phiếu biểu quyết bị gạch xoá, sửa chữa, ghi thêm nội dung biểu quyết;
 - Các vấn đề biểu quyết không được lựa chọn hoặc lựa chọn nhiều hơn một phương án cho một Tờ trình Đại hội.
4. Thể lệ biểu quyết.
 - Các vấn đề cần lấy biểu quyết tại Đại hội chỉ được thông qua khi đạt được tỷ lệ biểu quyết đồng ý của trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 3, Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền tham dự Đại hội.

Điều 11. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 12. Thi hành Quy chế

Đại biểu dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Đại biểu vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty Cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai biểu quyết thông qua

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ngô Thanh Phương



UBND TỈNH LÀO CAI
CTCP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 10 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ
ĐỀ CỬ - ỨNG CỬ - BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI NHIỆM KỲ 2021 - 2026

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai (gọi tắt là Điều lệ Công ty) và các quy định hiện hành;

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai (gọi tắt là Đại hội) sẽ tiến hành bầu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026.

Quy chế về đề cử, ứng cử và bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2021-2026 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, cụ thể như sau:

I. Đối tượng và phạm vi áp dụng.

- Quy chế này hướng dẫn các điều kiện và thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và thành viên Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2021 - 2026 của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai.

- Các cổ đông, ứng viên tham gia đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung của Quy chế này.

I. Số lượng và cơ cấu thành viên.

1. Hội đồng quản trị

- Tổng số thành viên: 05 thành viên.

- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị tuân thủ Luật Doanh nghiệp 2020, Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Điều lệ Công ty.

- Số lượng ứng cử viên tối đa: 9 người.

2. Ban Kiểm soát.

- Tổng số thành viên: 03 thành viên.

- Số lượng ứng cử viên tối đa: 9 người.

III. Nguyên tắc đề cử.

1. Quy định về đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị (theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty).

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.



Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

- từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một ứng viên;
- từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai ứng viên;
- từ 30% đến dưới 40% được đề cử ba ứng viên;
- từ 40% đến dưới 50% được đề cử bốn ứng viên;
- từ 50% đến dưới 60% được đề cử năm ứng viên;
- từ 60% đến dưới 70% được đề cử sáu ứng viên;
- từ 70% đến dưới 80% được đề cử bảy ứng viên;
- từ 80% đến dưới 90% được đề cử tám ứng viên.

Danh sách đề cử phải được lập bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông ít nhất năm (05) ngày làm việc.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

2. Quy định về đề cử, ứng cử thành viên Ban Kiểm soát (theo quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty).

Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

- từ 5% đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một ứng viên;
- từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai ứng viên;
- từ 30% đến dưới 40% được đề cử ba ứng viên;
- từ 40% đến dưới 50% được đề cử bốn ứng viên;
- từ 50% đến dưới 60% được đề cử năm ứng viên;
- từ 60% đến dưới 70% được đề cử sáu ứng viên;
- từ 70% đến dưới 80% được đề cử bảy ứng viên;
- từ 80% đến dưới 90% được đề cử tám ứng viên.

Danh sách đề cử phải được lập bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông ít nhất năm (05) ngày làm việc.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ



về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

IV. Tiêu chuẩn ứng cử viên.

1. Tiêu chuẩn ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Khoản 1 Điều 25 Điều lệ Công ty, thành viên Hội đồng quản trị phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty không thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của tại quá 05 Công ty khác.
- Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
- Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên thành viên Ban Kiểm soát.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty, thành viên Ban Kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 17 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;



- Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập, thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

V. Nguyên tắc, phương thức bầu cử và nguyên tắc xác định trúng cử.

1. Nguyên tắc bầu cử.

- Đúng luật, đúng điều lệ.
- Phương thức bỏ phiếu kín.
- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu (theo trong danh sách chốt của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ngày 16/3/2021). Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.

- Ban Kiểm phiếu do Đoàn Chủ tịch Đại hội đề cử và được Đại hội thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

2. Phương thức bầu cử.

- Danh sách ứng cử viên HĐQT, BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

- Phương thức bầu cử:

+ Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

+ Mỗi cổ đông dự họp được cấp một phiếu bầu HĐQT, một phiếu bầu BKS. Các cổ đông điền số cổ phần tín nhiệm cho mỗi thành viên mà mình tín nhiệm sao cho tổng số cổ phần tín nhiệm của các thành viên phải bằng hoặc thấp hơn số cổ phần biểu quyết của mỗi cổ đông. Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, cổ đông có thể liên hệ với Ban Kiểm phiếu để xin cấp lại phiếu bầu cử mới.

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

- Những phiếu sau được xem là không hợp lệ và không có giá trị bầu cử:

+ Phiếu không theo mẫu quy định.

+ Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu.



+ Phiếu bầu vượt quá số cổ phần biểu quyết của mỗi cổ đông tối đa theo quy định.

+ Phiếu gạch xóa tên những ứng cử viên.

+ Phiếu ghi thêm tên người ngoài danh sách ứng cử đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

- Việc kiểm phiếu: Tiến hành ở một phòng riêng, dưới sự giám sát của đại diện cổ đông.

- Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ tọa giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định và mở ra theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

3. Nguyên tắc trúng cử.

Những ứng cử viên trúng cử làm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là những ứng cử viên:

- Được xác định theo số cổ phần đạt được tính từ cao xuống thấp trên số phiếu bầu hợp lệ, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định tại Điều lệ công ty.

- Trường hợp xác định số ứng cử viên đạt phiếu bầu hợp lệ theo thứ tự từ cao xuống thấp nhiều hơn số tối đa theo quy định do có nhiều người cùng đạt số phiếu bầu thấp bằng nhau thì Đại hội đồng cổ đông quyết định bầu lại đối với những người đó.

- Nếu kết quả bầu cử lần 1 không đủ số lượng thành viên HĐQT, BKS dự kiến ban đầu và theo quy định trong Điều lệ thì sẽ được tiến hành bầu bổ sung cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên HĐQT, BKS.

VI. Hồ sơ đề cử, ứng cử vào HĐQT, BKS.

(Mẫu được tải tại trên Website Công ty tại địa chỉ: www.capnuoclaocai.com.vn hoặc www.capnuoclaocai.vn)

- Giấy đề nghị đề cử hoặc ứng cử thành viên HĐQT/BKS (theo mẫu).

- Biên bản họp nhóm đề gộp quyền biểu quyết (nếu có).

- Sơ yếu lý lịch ứng viên (theo mẫu).

- Bản sao công chứng CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu.

- Bản sao công chứng về bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn (nếu có).

- Ứng viên Hội đồng quản trị/BKS phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin trong hồ sơ của mình.

VII. Thời gian và địa chỉ gửi Hồ sơ đề cử, ứng cử.



Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, Quý cổ đông hoặc nhóm cổ đông đủ điều kiện nêu trên tham gia ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát vui lòng gửi hồ sơ ứng cử, đề cử trước ngày 05/4/2021 về trụ sở Công ty theo địa chỉ:

Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai. Địa chỉ : Số 037 đường Nguyễn Huệ, phường Lào Cai, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Người nhận: Phùng Ngọc Minh - Thư ký HĐQT.

Điện thoại : (0214) 3866.220 – 0985.835.621 * Fax: (0214) 3830.224.

Email: minhlawaco@gmail.com.

Các ứng cử, đề cử thành viên HĐQT, thành viên BKS được gửi về Công ty sau ngày 05/4/2021 sẽ được xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông trước khi tiến hành bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021-2026.

VIII. Hiệu lực thi hành.

Quy chế đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026 có hiệu lực ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai năm 2021 thông qua.

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai năm 2021 kết thúc.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ngô Thanh Phương

UBND TỈNH LÀO CAI
CTCP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI

Số: /BC-CNLC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 15 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020,
PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2021

PHẦN I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai hoạt động theo mô hình công ty cổ phần chính thức từ ngày 01/6/2016, trong đó cổ phần Nhà nước nắm giữ là 92,09%, các cổ đông khác nắm giữ 7,91%. Hiện nay Công ty đang nắm cổ phần tại công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước Lào Cai 24,99% vốn điều lệ, tổng số cán bộ CNV-LĐ là: 361 người, gồm: Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát, thư ký công ty, 6 phòng chức năng, 12 Chi nhánh trực thuộc.

Ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và cung cấp nước sạch. Hiện công ty quản lý và khai thác 14 nhà máy, tổng công suất thiết kế **101.000m³/ngđêm**, tỷ lệ bao phủ cấp nước đạt từ 80 đến 85% đối với các trung tâm huyện lỵ và trên 98% đối với địa bàn thành phố Lào Cai. Thực hiện cấp nước ổn định, đáp ứng nhu cầu sử dụng cho 56.215 khách hàng, phục vụ nhu cầu sinh hoạt, kinh doanh dịch vụ và sản xuất trên địa bàn các đô thị, khu công nghiệp, thương mại trong toàn tỉnh, chất lượng nước đảm bảo theo quy định hiện hành của Bộ Y tế.

Năm 2020, tốc độ phát triển mở rộng đô thị trên toàn tỉnh giảm so với các năm trước; hoạt động xuất nhập khẩu, du lịch, dịch vụ đình trệ do đại dịch covid -19 bùng phát; Các nhà máy khu công nghiệp Tầng Loong tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong khâu nguyên liệu đầu vào và tiêu thụ sản phẩm, giá trị sản xuất công nghiệp giảm, các nhà máy đã được nâng cấp để sử dụng nước tuần hoàn nhằm hạn chế xả thải ra môi trường, do đó sản lượng nước thương phẩm cấp ra giảm so với năm trước, dẫn đến doanh thu giảm.

Tuy nhiên với sự lãnh đạo, chỉ đạo của Hội đồng quản trị, sự thống nhất, linh hoạt trong điều hành của Ban Tổng giám đốc, sự đoàn kết của tập thể người lao động, công ty đã khắc phục khó khăn hoàn thành kế hoạch mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra, kết quả hoạt động SXKD của công ty cụ thể như sau:

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Kết quả sản xuất kinh doanh một số chỉ tiêu chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020		So sánh % hoàn thành	
		Kế hoạch	Thực hiện	HT / KH	TH 2020 / TH 2019
1. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	137,11	142,713	104	94,15
- Doanh thu SX nước sạch	Tỷ đồng	136,85	140,689	103	95,23



- Doanh thu XL + khác	Tỷ đồng	0,26	2,024	778	44,95
2. Sản lượng nước TP	Triệu m ³	15,82	16,754	106	97,74
3. Giá tiêu thụ bình quân	Đồng	8.650	8.397	97	97,44
4. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	14,649	15,185	104	105,07
5. Phát triển khách hàng	Hộ	1.635	1.965	120	98,55
6. Thay thế đồng hồ DA	Cái	3.030	1.396	46,1	
7. Tỷ lệ thất thoát	%	21,1	24,6		
8. Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	17	17,142	101	98,19
9. Thu nhập BQ /người/tháng	Tr. đồng	7,8	8,8	112,8	102,3
Trong đó: Tiền lương BQ. NLD	Tr. đ/tháng	7,1	7,5	105,6	

2. Công tác quản lý khách hàng và chống thất thu thất thoát.

- Tiếp tục tăng cường kiểm tra, rà soát mục đích sử dụng nước của khách hàng, ứng dụng công nghệ triển khai phần mềm quản lý khách hàng trong công tác ghi sản lượng, thanh toán tiền nước nhằm tránh việc ghi chép phản ánh không chính xác;

- Công tác chống thất thu thất thoát tiếp tục được Ban chỉ đạo cấp nước an toàn của công ty giải quyết và khắc phục kịp thời các sự cố công trình, tuy nhiên trong năm công ty đầu tư xây dựng mở rộng thêm một số tuyến ống và một dây truyền nhà máy nước Cốc San công suất 6.000m³/ngđêm nên việc thử áp lực + xúc xả rửa hệ thống cấp nước mới dẫn đến tăng tỷ lệ thất thoát so với kế hoạch đề ra.

3. Công tác đầu tư, sửa chữa - duy trì đầu nối.

Việc đầu tư dự án được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo chất lượng kỹ thuật và tiến độ công trình, trong năm đã triển khai các dự án sau:

(1) Nâng công suất NMN Cốc San từ 18.000m³/ng.đêm lên 24.000m³/ng.đêm, hoàn thành đưa vào sử dụng quý 2/2020, với giá trị là 10,582 tỷ đồng;

(2) Đầu tư mở rộng HTCN thị trấn Bát Xát nâng công suất từ 1.000m³/ng.đêm lên 5.000m³/ng.đêm; đã được cấp thẩm quyền phê duyệt với tổng mức đầu tư 64,5 tỷ đồng, khởi công quý 3/2020, giá trị thực hiện đạt 1,064 tỷ đồng, kế hoạch hoàn thành đưa vào sử dụng quý 3/2021;

(3) Khảo sát, chuẩn bị đầu tư xây dựng HT cấp nước xã Làng giàng - Huyện Văn Bàn, công suất 3.000m³/ng.đêm, dự kiến khởi công quý III/2021, hoàn thành quý III/2022;

(4) Phát triển, mở rộng tuyến mạng cấp nước, duy trì đầu nối với tổng mức đầu tư hoàn thành 4,366 tỷ đồng; đảm bảo cấp nước an toàn, tiết kiệm giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm.

(5) Kết quả đầu tư - Phát triển tuyến mạng - Duy trì đầu nối.

Danh mục công trình / HMCT	Giá trị (tỷ đồng)				% (+, -) so với K/H
	TMĐT	KH năm 2020 (QĐ số 25, 33, 276 năm 2020)	Thực hiện 2020	Thực hiện lũy kế 12/2020	
I. Đầu tư dự án, phát triển mở rộng tuyến mạng	135,937	31,725	9,13	17,867	



1. Dự án đầu tư	127,59	23,378	4,764	13,501	
(1) Nâng công suất NMN Cốc San từ 18.000m ³ /ngđêm lên 24.000m ³ /ngđêm	11,5	3,328	2,702	10,582	QT
(2) Mở rộng HTCN huyện Bát Xát	64,5	17	1,064	1,921	0,062
(3) XD Nhà máy nước Làng Giàng - Văn Bàn 3.000m ³ /ng.đêm	50,5	1,5			Khảo sát
(4) XD đường bê tông NMN Cốc San (Đoạn từ đường Kim Thành - Lên NMN, đèo Nhạc Sơn)	1,159	1,55	0,998	0,998	QT
2. Phát triển M. rộng tuyến mang, TB	8,347	8,347	4,366	4,366	52,3
II. Sửa chữa - Duy trì đầu nối - PT khách hàng và thay thế đồng hồ.	4,579	4,579	4,366	4,366	95,35
1. Sửa chữa thường xuyên - Duy trì đầu nối	2,499				
2. Lắp đặt phát triển khách hàng - thay thế đồng hồ	2,080				
III. Tổng cộng	140,516	36,304	13,496	22,33	

4. Công tác thoái vốn nhà nước:

Thực hiện chủ trương thoái vốn nhà nước theo quyết định số 1232/QĐ - TTg ngày 17/8/2017; kết luận 656 - KL/TU ngày 19/10/2018 của tỉnh ủy, kế hoạch 301/KH - UBND về việc thực hiện thoái vốn nhà nước tại công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai. Công ty đã triển khai việc tuyên truyền, ổn định tư tưởng tới người lao động, tiến hành các bước định giá doanh nghiệp và rà soát lại tài sản nhận đầu nối cấp nước từ các chủ đầu tư khác. Tuy nhiên, đến nay công ty tạm dừng thoái vốn theo quyết định số 908/QĐ-TTg ngày 29/6/2020 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020.

III. CÔNG TÁC TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, LAO ĐỘNG VÀ CHÍNH SÁCH

1. Công tác tổ chức, quản trị.

Bộ máy tổ chức nhân sự gồm:

* Ban Tổng giám đốc

* 06 phòng chuyên môn.

- Phòng Tổ chức - Hành chính (TC-HC)
- Phòng Tài chính - Kế toán (TC-KT)
- Phòng Kỹ thuật - Vật tư (KT-VT)
- Phòng Kế hoạch - Đầu tư (KHĐT)
- Phòng Quản lý kinh doanh (QLKD)
- Phòng Thí nghiệm chất lượng nước (TN)

* 12 chi nhánh, đơn vị trực thuộc

- Chi nhánh Trung tâm đồng hồ (TTĐH)
- Các chi nhánh cấp nước (11 chi nhánh)



Trong năm, công ty đã bổ sung 1 lao động; luân chuyển 03 lao động; thôi việc, nghỉ chế độ 2 lao động. Đơn vị đã tổ chức đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định, xây dựng và ban hành, sửa đổi, bổ sung một số quy định phù hợp với văn bản hướng dẫn của nhà nước và tình hình thực tiễn của công ty, giúp công tác quản lý và điều hành đạt hiệu quả.

- Áp dụng công nghệ thông tin vào hoạt động SXKD thông qua việc thực hiện quản lý văn bản điều hành điện tử; triển khai áp dụng phần mềm quản lý khách hàng, phát hành hoá đơn điện tử, áp dụng thanh toán tiền nước online.

2. Lao động và chính sách đối với người lao động.

a) Số lượng Lao động, cán bộ quản lý:

	Vị trí công việc	Số lao động (người)
1	Lao động trực tiếp SXKD	228
2	Lao động thừa hành, phục vụ	14
3	Lao động chuyên môn nghiệp vụ	72
4	Lao động quản lý	39
5	Thư ký công ty	1
6	Hội đồng quản trị, Ban TGD, KTT, Trưởng BKS	7
Tổng cộng		361

b) Chính sách đối với người lao động:

Việc trả lương cho người lao động được căn cứ quy chế trả lương (*xây dựng theo vị trí công việc và đánh giá mức độ hoàn thành của người lao động*), được điều chỉnh sửa đổi theo quy định hiện hành của nhà nước và thông qua ý kiến người lao động, tổ chức công đoàn. Căn cứ kết quả kinh doanh và kết quả hoàn thành nhiệm vụ của NLD, công ty đánh giá, xếp loại khen thưởng thông qua các đợt phát động thi đua. Thực hiện đóng nộp đầy đủ chế độ bảo hiểm, trang bị BHLĐ, đồng phục và khám sức khỏe định kỳ cho NLD theo quy định của pháp luật, chi trả chế độ ăn giữa ca. Hằng năm tổ chức tập huấn an toàn lao động cho công nhân trực tiếp và cán bộ kỹ thuật. Giải quyết đầy đủ chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, phép, trợ cấp khó khăn, thăm hỏi hiếu, hỉ, quan tâm bố trí công việc phù hợp cho lao động nữ.

IV. MỘT SỐ TỒN TẠI

1. Tồn tại:

Năm 2020, có 6/9 chỉ tiêu hoàn thành và vượt kế hoạch gồm: (1) doanh thu đạt 104%; (2) sản lượng đạt 106%; (3) lợi nhuận sau thuế đạt 104%; (4) phát triển khách hàng đạt 118,1%; (5) Nộp ngân sách nhà nước đạt 101%; (6) thu nhập bình quân tăng so với kế hoạch 12,8%.

Có 3/9 chỉ tiêu chưa hoàn thành kế hoạch, gồm: (1) giá tiêu thụ bình quân đạt 97%; (2) Tỷ lệ thất thoát tăng 3,5%. (3) thay thế đồng hồ đạt 46,1%.

2. Nguyên nhân:

- Nguyên nhân chủ quan:



- + Công tác quản lý, điều hành còn có mặt hạn chế ở khâu nghiệp vụ, việc áp dụng công nghệ trong công tác quản lý chưa được đầu tư một cách hợp lý;
- + Một số CBCNV làm việc còn thiếu tính chủ động, sáng tạo và thiếu khoa học.

+ Sự phối kết hợp giữa các phòng ban đơn vị đôi lúc chưa chặt chẽ.

- Nguyên nhân khách quan:

+ Mặc dù hoàn thành kế hoạch xong năm 2020 là năm có nhiều biến động, sự bùng phát đại dịch covid - 19 trên toàn cầu và thực hiện giãn cách xã hội, dẫn đến tình hình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm giảm sút so với năm 2019 (*doanh thu giảm 5,85%; sản lượng giảm 2,26%*), tỷ trọng giá tiêu thụ nước sử dụng cho mục đích kinh doanh vật chất và dịch vụ giảm, dẫn đến giá tiêu thụ bình quân giảm 2,56%.

+ Khách hàng tại khu công nghiệp Tăng Loong tiếp tục sử dụng nước tuần hoàn, do đó khối lượng sử dụng cấp ra cho sản xuất công nghiệp giảm so với dự kiến.

PHẦN II PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

1. Mục tiêu:

- *Về sản xuất kinh doanh:* Duy trì ổn định và phát triển mạng lưới cung cấp nước cũng như thị trường tiêu thụ; nâng cao kỹ năng quản lý; cải tiến dây chuyền sản xuất, đảm bảo yêu cầu về chất lượng sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ. Tạo môi trường làm việc thân thiện, năng động và hiệu quả. Sử dụng và phát huy mọi nguồn lực của công ty nhằm tối đa hoá lợi nhuận. Tuy nhiên, với tình hình dịch bệnh covid còn diễn biến phức tạp trên toàn thế giới và lây nhiễm trong cộng đồng chưa được đẩy lùi, do đó công ty đặt ra mục tiêu vừa đảm bảo SXKD vừa thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh là nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu. Mặt khác việc tăng công suất thêm 1.500m³/ngđêm vào năm 2019 tại Chi nhánh cấp nước huyện Mường Khương chưa phát huy ngay được hiệu quả, do đó kế hoạch sản xuất 2021 công ty xây dựng cơ bản bằng kết quả thực hiện năm 2020.

- *Về quản lý tài chính:* Tiếp tục hoàn thiện năng lực quản lý tài chính Công ty, quản lý tiết kiệm các nguồn đầu tư, sử dụng các công cụ phân tích, dự báo phục vụ cho công tác xây dựng chiến lược kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Biểu 3. Chỉ tiêu SXKD

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	So sánh KH 2021 / TH 2020 (%)
1. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	142,713	143,668	100,66
- Doanh thu SX nước sạch	Tỷ đồng	140,689	142.668	
- Doanh thu XL + khác	Tỷ đồng	2,024	1.000	
2. Sản lượng nước TP	Triệu m ³	16,754	17,149	102,4



3. Giá tiêu thụ bình quân	Đồng	8.397	8.319	
4. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,185	13,685	90,1
5. Phát triển khách hàng	Hộ	1.965	2.000	
6. Thay thế đồng hồ		1.396	1.800	
7. Tỷ lệ thất thoát	%	24,6	24	
8. Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	17,142	15,1	88,1
9. Thu nhập BQ/người/tháng	Tr. đồng	8,8	8,8	100
<i>Trong đó tiền lương BQ</i>	<i>Tr. đồng</i>	7,5	7,4	98,7
10. Chia cổ tức dự kiến	%	5,6	5	-0,6

Ghi chú: Kế hoạch Lợi nhuận sau thuế giảm do 02 dự án được đưa vào sử dụng cuối năm 2020, chi phí khấu hao năm 2021 tăng, làm giảm lợi nhuận. Mặt khác, năm 2020 công ty được giảm 30% thuế TNDN do dịch bệnh bùng phát, qua đó công ty hoàn thành vượt kế hoạch chỉ tiêu lợi nhuận. Việc xây dựng kế hoạch năm 2021 công ty loại trừ yếu tố khách quan, chỉ tiêu lợi nhuận giảm so với 2020.

3. Duy trì cấp nước an toàn, đầu tư dự án.

(1) Tiếp tục cải tạo, thay thế các tuyến ống cũ; thay thế đồng hồ theo định kỳ; Duy trì công tác kiểm tra, quản lý khách hàng, xác định mục đích sử dụng nước;

(2) Đầu tư các dự án, duy trì đầu nổi:

- Tiếp tục thực hiện dự án nâng công suất nhà máy nước Cốc San từ 24.000m³/ngđêm lên 30.000m³/ngđêm, đưa vào vận hành cuối quý IV/2022; đẩy mạnh thi công Dự án cấp nước huyện Bát Xát nâng công suất lên 5.000m³/ngđêm hoàn thành đúng tiến độ; Chuẩn bị đầu tư dự án HTCN Làng Giàng CS 3.000m³/ngđêm; Dự kiến khởi công quý IV/2021 và một số dự án khác theo biểu dưới đây:

Danh mục công trình / HMCT/nguồn vốn	Giá trị (tỷ đồng)			Ghi chú
	TMĐT	T/hiện lũy kế đến 12/2020	KH năm 2021	
A. Đầu tư dự án, phát triển mở rộng tuyến mạng				
I. Dự án đầu tư (vốn khấu hao + vay)		1,921		
1. Dự án đầu tư chuyển tiếp:	115	1,921	32,5	
(1) Mở rộng HTCN huyện Bát Xát, nâng công suất từ 1.300m ³ /ngđêm lên 5.000m ³ /ngđêm	64,5	1,921	35	
(2) XD nhà máy nước Làng Giàng - Huyện Văn Bàn 3.000m ³ /ng.đêm	93,27		2,5	
2. Dự án đầu tư mới:				
(1) Nâng công suất NMN Cốc San từ 24.000m ³ /ngđêm lên 30.000m ³ /ngđêm.	25,6		2	
(2) Nâng công suất HTCN Phố Ràng - Bảo Yên từ 1.200m ³ /ngđêm lên 4.200m ³ /ngđêm				Xin C. truong



(3) Nâng công suất HTCN Bắc Hà từ 1.500m ³ /ngđêm lên 4.500m ³ /ngđêm				Xin C. truong
(4) T/ống cấp nước thôn Cù - Thị trấn Tăng Loàng	12		12	
(5) Xây dựng HTCN Ngòi Đường, công suất 12.000m ³ /ngđêm.				Xin C. truong
(6) XD HTCN Ngòi Bo, công suất 14.000m ³ /ngđêm.				Xin C. truong
(7) Xây dựng phần mềm quản lý tài sản (GIS), ký hợp đồng dịch vụ cấp nước điện tử.	0,9		0,9	
(8) Chống thất thu, thất thoát, giám sát chất lượng nước online.	5,2		2,8	Xin C. truong
II. Phát triển MR tuyến mạng, bổ sung thiết bị <i>(Vốn khấu hao)</i>				
III. Sửa chữa thường xuyên - Duy trì đầu nối -lắp đặt phát triển khách hàng, thay thế đồng hồ theo nghị định 117 <i>(Nguồn KP sửa chữa thường xuyên)</i>				
1. Duy trì đầu nối		0,587	0,772	
2. Sửa chữa TX, P/triển khách hàng, thay thế đồng hồ		2,656	3,944	

III. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường công tác chỉ đạo điều hành, giám sát, kiểm tra của Ban Tổng giám đốc; Nâng cao năng lực quản lý, trình độ nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ quản lý, nhân viên chuyên môn nghiệp vụ; tập huấn nâng cao tay nghề cho người lao động; nâng cao chất lượng dịch vụ;

2. Đẩy mạnh áp dụng công nghệ 4.0 vào hoạt động SXKD như xây dựng và thực hiện phần mềm quản lý tài sản, ký hợp đồng dịch vụ cấp nước điện tử. Xây dựng giải pháp chống thất thoát; Tổ chức vận hành sản xuất an toàn, tiết kiệm, hiệu quả.

Trên đây là nội dung báo cáo của công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai, về kết quả hoạt động SXKD năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021.

Nơi nhận:

- HĐQT C.ty (B/cáo);
- Thành viên ban TGD;
- Các cổ đông;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: VT - KHĐT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Hồng Quảng



Edited with the trial version of
Foxit Advanced PDF Editor

To remove this notice, visit:
www.foxitsoftware.com/shopping

UBND TỈNH LÀO CAI
CTCP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/BC - HĐQT

Lào Cai, ngày 15 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO
Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020
và phương hướng hoạt động năm 2021

I. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính 2020:

1. Tổng quan:

Năm 2020 là năm cuối nhiệm kỳ 2016-2021 của Hội đồng quản trị công ty, hiện nay vốn điều lệ của công ty là **177.176.650.000 đồng** trong đó Nhà nước nắm giữ 92,09%, các cổ đông khác nắm giữ 7,91% tổng số cổ phần.

Sản xuất kinh doanh của công ty năm 2020 bị ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19, nhu cầu sử dụng nước của các khách hàng lớn tại khu công nghiệp Tăng Loong giảm mạnh do sản xuất công nghiệp bị tạm dừng hoặc hoạt động cầm chừng, 100% các nhà máy có các giải pháp tối đa sử dụng nước tuần hoàn nhằm giảm xả thải, giảm phí môi trường. Bên cạnh đó các khách hàng sử dụng nước dịch vụ ở các khu đô thị, khu du lịch trong tỉnh cũng suy giảm sản lượng do ảnh hưởng của dịch bệnh, cùng với việc giảm giá nước sinh hoạt 5% ba tháng cuối năm theo Quyết định của UBND tỉnh đã ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của doanh nghiệp.

Tuy nhiên với sự cố gắng của cán bộ CNV trong đơn vị, sự đoàn kết nhất trí chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị đã lãnh đạo công ty đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng của các cơ quan và nhân dân trên địa bàn các đô thị và khu công nghiệp trong toàn tỉnh.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, công ty đã hoàn thành 6/9 chỉ tiêu kế hoạch đề ra cụ thể:

- + Tổng doanh thu đạt 142,7 tỷ tăng 4% so với kế hoạch;
- + Sản lượng nước thương phẩm đạt 16,754m³ tăng 6% so với kế hoạch;
- + Lợi nhuận sau thuế đạt 15,185 tỷ đồng tăng 4% so với kế hoạch.
- + Phát triển khách hàng đạt 1.965 hộ tăng 20% so với kế hoạch.
- + Nộp ngân sách nhà nước đạt 17,142 tỷ đồng tăng 1% so với kế hoạch.
- + Thu nhập bình quân/người/tháng đạt 8,8 triệu đồng tăng 12,8% so với kế hoạch.

2. Những kết quả đạt được:

Trong năm 2020 Hội đồng quản trị đã lãnh đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết đề ra, kết quả một số chỉ tiêu cơ bản như sau:



Một số chỉ tiêu cơ bản:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Ghi chú
CHỈ TIÊU SẢN XUẤT				
1	Sản lượng nước thương phẩm	triệu m ³	16,754	
2	Giá bán bình quân/m ³	đồng	8.397	
3	Tỷ lệ thất thoát	%	24,6	
4	Phát triển khách hàng	hộ	1.965	
CÁC CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH				
1	Tổng doanh thu	tỷ đồng	142,713	
2	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	15,185	
3	Lãi cơ bản trên 1 cổ phiếu	đồng	608,25	

II. Hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị:

1. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 bao gồm 5 thành viên, đại diện cho chủ sở hữu quản lý công ty, bao gồm:

1. Ông Ngô Thanh Phương - Chủ tịch HĐQT.
2. Ông Phạm Hồng Quảng - Thành viên HĐQT.
3. Ông Phạm Phương Thanh - Thành viên HĐQT.
4. Ông Lê Văn Mật - Thành viên HĐQT.
5. Bà Phạm Thị Hằng - Thành viên HĐQT.

Nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị được phân công cụ thể theo từng lĩnh vực và được quy định rõ trong Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành tại Quyết định số 50/QĐ-CNLC ngày 25/6/2016 và được điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 190/QĐ-CNLC ngày 14/8/2017;

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020:

Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ Điều lệ công ty và quy định pháp luật hiện hành, quyết định được thông qua theo nguyên tắc đa số. Các thành viên Hội đồng quản trị thể hiện được tinh trung thực, nhiệt tình và thận trọng, hoạt động trên tinh thần trách nhiệm vì lợi ích chung của Công ty. Mỗi thành viên được phân công nhiệm vụ theo chuyên môn để chủ động công tác và nâng cao chất lượng làm việc.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt chức năng nhiệm vụ của mình trong việc chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc thông qua các quy chế, Nghị quyết/Quyết định, thông qua các cuộc họp của Hội đồng quản trị bao gồm cả các cuộc họp Hội đồng quản trị mở rộng, tham dự các cuộc họp giao ban của công ty. Việc giám sát, đôn đốc, hỗ trợ, kiểm tra của Hội đồng quản trị đã giúp Ban Tổng Giám đốc tổ chức triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị kịp thời, hiệu quả.



3. Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao kiến thức quản trị công ty của các thành viên Hội đồng quản trị:

Tất cả các thành viên Hội đồng quản trị đều có kinh nghiệm trong lĩnh vực hoạt động chính của công ty.

Các thành viên Hội đồng quản trị đều được trang bị các phương tiện, tài liệu để nghiên cứu các kiến thức bổ sung cho kinh nghiệm đã có, áp dụng trong công tác quản trị điều hành theo lĩnh vực được phân công của mỗi thành viên.

4. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị năm 2020:

Các thành viên Hội đồng quản trị được trả lương theo đúng Quy chế trả lương người quản lý công ty được ban hành theo Quyết định số 157/QĐ-CNLC ngày 09/9/2016. Quỹ tiền thưởng của thành viên Hội đồng quản trị sẽ được chi trả sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

5. Các cuộc họp và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã có 22 phiên họp quyết định những nội dung quan trọng, trong đó:

- 06 phiên họp HĐQT có sự tham gia của BCH Công đoàn cơ sở công ty, ban hành 06 Nghị quyết liên tịch HĐQT - CĐCS.

- 16 phiên họp HĐQT ban hành 15 Nghị quyết về các vấn đề quan trọng trong việc điều hành SXKD của công ty.

Các cuộc họp được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của công ty và các quy chế liên quan. Thông qua các cuộc họp, Hội đồng quản trị đã ra các Nghị quyết chỉ đạo Ban điều hành thực hiện các công việc cần thiết, đảm bảo hoàn thành kế hoạch công tác giúp hoạt động SXKD có hiệu quả, đem lại lợi ích cho công ty và các cổ đông.

III. Kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc:

Các thành viên Hội đồng quản trị thường xuyên trực tiếp kiểm tra công tác điều hành sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực được phân công, tích cực giám sát và chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc công ty thực hiện tốt nhiệm vụ được giao thông qua việc:

- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu trong năm.
- Yêu cầu Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo nhanh kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động của công ty định kỳ 02 lần/tháng (vào ngày 01 và 15 hàng tháng) và trong các cuộc họp định kỳ hàng tháng, hàng quý của Hội đồng quản trị. Từ đó đưa ra các chỉ đạo giúp cho hoạt động SXKD của công ty có hiệu quả.



- Phối hợp với Ban kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của công ty từ đó có những chỉ đạo kịp thời giúp Ban Tổng giám đốc hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao thông qua các Nghị quyết.

- Tham gia các buổi họp giao ban công ty và các buổi họp khác của Ban Tổng Giám đốc nhằm nắm bắt kịp thời các hoạt động kinh doanh của công ty.

Hội đồng quản trị đánh giá cao quá trình hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã luôn nỗ lực, cố gắng để hoàn thành tốt các chỉ tiêu đề ra và luôn tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật và công ty.

- Ban Tổng Giám đốc đã thống nhất ý chí trong việc thực hiện triển khai các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, thực hiện đúng quyền hạn theo Điều lệ công ty và các quy chế hoạt động.

- Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chủ trương Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức điều hành tốt mọi hoạt động của công ty theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và Quyết định của Hội đồng quản trị qua các kỳ họp. Thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo về những vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị.

- Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc đoàn kết, hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách theo lĩnh vực được phân công.

IV. Phương hướng nhiệm vụ năm 2021:

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị công ty sẽ tập trung chỉ đạo và giám sát chặt chẽ, thường xuyên công tác triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh. Ban Tổng giám đốc căn cứ theo chức năng nhiệm vụ được giao cần tích cực triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh với các nội dung sau:

1. Một số chỉ tiêu kế hoạch:

- Sản lượng nước thương phẩm: 17,149 triệu m³.
- Tổng doanh thu: 143,668 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 13,685 tỷ đồng.
- Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ: 5,0%.

2. Lĩnh vực đầu tư xây dựng:

- Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư, đảm bảo tỷ suất đầu tư hợp lý.
- Thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công công trình, đúng trình tự xây dựng cơ bản.

- Mở rộng địa bàn phục vụ cấp nước ra các vùng ven trung tâm các đô thị, tăng tỷ lệ hộ dân được cấp nước. Tập trung thực hiện chương trình cấp nước an toàn, đảm bảo nhu cầu tiêu dùng nước của tất cả khách hàng trên địa bàn. Xây dựng hình ảnh doanh nghiệp cấp nước có dịch vụ tốt, hướng đến khách hàng.



- Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng Dự án đầu tư mở rộng cấp nước đô thị, thị trấn Bát Xát nâng công suất từ 1.000m³/ngđ lên 5.000m³/ngđ.

- Tiến hành có hiệu quả phương án vốn vay thương mại để triển khai các dự án: dự án nâng công suất nhà máy nước Cốc San từ 24.000m³/ngđ lên 30.000m³/ngđ; Xây dựng nhà máy nước Làng Giàng huyện Văn Bàn công suất 3.000m³/ngđ.....

3. Các hoạt động khác:

- Chú trọng phát triển nguồn nhân lực.
- Tiếp tục rà soát và hoàn thiện các quy trình, quy chế cho phù hợp với thực tế, dựa trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các văn bản pháp luật hiện hành.

- Thường xuyên giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo điều hành hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, kịp thời phát hiện các sai sót để khắc phục. Phát huy hơn nữa tính tích cực của bộ máy điều hành, nâng cao tính chủ động, tinh thần trách nhiệm.

- Luôn quan tâm, đảm bảo quyền lợi và không ngừng nâng cao đời sống cán bộ công nhân viên.

V. Đánh giá và kết luận:

Nhìn chung, năm 2020 Hội đồng quản trị đã nỗ lực chỉ đạo, giám sát, điều hành doanh nghiệp theo đúng định hướng phát triển bền vững và hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông đã đặt ra. Các thành viên Hội đồng quản trị đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Nhà nước.

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông biểu dương tinh thần đoàn kết và sự cố gắng của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBCNV công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2020.

Năm 2021, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục nỗ lực vượt qua mọi thách thức để ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thực hiện tốt các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông thường niên giao. Đồng thời, Hội đồng quản trị mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng, gắn bó và đồng thuận của quý cổ đông trong các hoạt động của Công ty.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông (báo cáo);
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Edited with the trial version of
Foxit Advanced PDF Editor
To remove this notice, visit:
www.foxitsoftware.com/shopping

Ngô Thanh Phương

Lào Cai, ngày 15 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI NĂM 2020

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Thông tư hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát ban hành kèm theo Quyết định số 01/QĐ-BKS ngày 22/7/2016 của Ban kiểm soát Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán VACO tháng 02 năm 2021.

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo Qui định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; Ban kiểm soát xin báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 trước Đại hội đồng cổ đông như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

I. Tình hình chung:

1. Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020:

Ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai có 03 thành viên, trong đó: 01 thành viên chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm:

1. Bà Lê Thị Hồng Vân - Trưởng ban (Chuyên trách)



2. Ông Lê Hữu Bằng - Thành viên (Kiêm nhiệm)

3. Bà Võ Thị Thu Hà - Thành viên (Kiêm nhiệm)

Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty với các nội dung sau:

Tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của HĐQT và các cuộc họp giao ban Công ty.

Giám sát hoạt động của HĐQT, giám sát việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty; xem xét tính phù hợp các Quyết định của HĐQT, Ban TGD trong công tác quản lý, điều hành.

Kiểm soát trình tự, thủ tục các văn bản nội bộ của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc ban hành trong quá trình quản trị nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành Công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Kiểm soát Báo cáo tài chính: Giám sát Ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính, giám sát báo cáo tài chính năm 2020 đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán, kiểm soát chi phí, doanh thu, tình hình công nợ, việc sử dụng vốn trong các khoản mục đầu tư, thẩm định Báo cáo tài chính trên cơ sở Báo cáo kiểm toán độc lập trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Giám sát việc thực thi công bố thông tin của Công ty theo các Quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Giám sát, kiểm tra các thủ tục, trình tự công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật.

2. Đánh giá kết quả hoạt động của thành viên Ban kiểm soát:

Năm 2020 Ban kiểm soát đã họp 6 cuộc, nội dung các cuộc họp triển khai thực hiện công việc theo kế hoạch đã xây dựng trong năm.

Ngoài các buổi họp và làm việc trực tiếp, Ban kiểm soát đã thường xuyên liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu và đề ra các giải pháp cụ thể, thiết thực trong việc thực hiện các nhiệm vụ của Ban nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban và toàn thể CBCNV của Công ty.

Trong năm Ban kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của các cổ đông về hoạt động của Công ty.

Các thành viên Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 theo chức năng, nhiệm vụ được Quy định tại Điều 38 Điều lệ hoạt động Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát cũng như Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trong thực thi công việc Ban kiểm soát không gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, không can thiệp vào những việc ngoài phạm vi trách nhiệm của mình.

Các thành viên Ban kiểm soát tích cực học tập, nâng cao nghiệp vụ, tham gia các khóa đào tạo, tập huấn các chuyên đề về quản lý tài chính, kế toán, chính sách thuế nhằm cập nhật kịp thời, đầy đủ, đúng các Quy định của Nhà nước.

3. Thù lao của thành viên Ban kiểm soát:

Thù lao của 2 thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách được Đại hội đồng cổ đông thông qua: 72.000.000^d. Thực chi năm 2020: 72.000.000^d.

II. Tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua:

TT	Chỉ tiêu	ĐV tính	NQ ĐHĐCĐ	Thực hiện 2020	Tỷ lệ (%)
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	137.116	142.713	104,1
2	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	14.648	15.185	103,7
3	Tiền lương BQ/ng/tháng	Triệu đồng	7,1	7,5	105,6
4	Mức cổ tức/VĐL	%	5,3	5,6	105,7
5	Thù lao thành viên BKS: 3.000.000đ/người/tháng	Triệu đồng	72	72	100

III. Giám sát kết quả hoạt động SXKD, thẩm định báo cáo tài chính năm 2020:

Báo cáo tài chính năm 2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng qui định.

Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán VACO là đơn vị đã được UBCK Nhà nước chấp thuận kiểm toán các Công ty đại chúng.

1. Tình hình hoạt động SXKD

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện Năm 2019	Thực hiện Năm 2020
1	Tổng doanh thu	Triệu đồng	150.979	142.713
2	Tổng chi phí	Triệu đồng	134.921	126.369
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	16.058	16.344
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	14.453	15.185
5	Nộp Ngân sách	Triệu đồng	19.219	17.142
6	Sản lượng nước thương phẩm	M3	17.142.263	16.754.127
7	Tỷ lệ thất thoát	%	20,9	24,6
8	Giá bán BQ (chưa VAT)	Đồng/m3	8.618	8.397

2. Tình hình Tài chính:

Chỉ tiêu	01/01/2020	31/12/2020
A. Tài sản ngắn hạn	74.552.246.215	76.796.259.486
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	57.208.246.164	61.003.613.737
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	11.619.439.183	10.298.224.518
4. Hàng tồn kho	4.111.987.210	3.041.688.617
5. Tài sản ngắn hạn khác	1.612.573.658	2.452.732.614
B. Tài sản dài hạn	246.937.866.258	234.317.349.886
1. Các khoản phải thu dài hạn	0	0
2. Tài sản cố định	237.866.564.230	216.833.275.637
3. Tài sản dở dang dài hạn	7.908.687.502	15.819.230.817
4. Đầu tư tài chính dài hạn	660.098.976	680.342.933



5.Tài sản dài hạn khác	502.515.550	984.500.499
Tổng cộng tài sản	321.490.112.473	311.113.609.372
C.Nợ phải trả	126.725.513.094	114.729.593.304
1.Nợ ngắn hạn	29.657.080.096	29.423.900.808
2.Nợ dài hạn	97.068.432.998	85.305.692.496
D.Vốn chủ sở hữu	194.764.599.379	196.384.016.068
1.Vốn chủ sở hữu	194.764.599.379	196.384.016.068
2.Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0
Tổng cộng nguồn vốn	321.490.112.473	311.113.609.372

3.Kết quả thực hiện các chỉ tiêu tài chính năm 2020:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả
1	Cơ cấu tài sản		
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	75,3
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	24,7
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	36,9
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	63,1
	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	58,4
3	Khả năng thanh toán		
	Khả năng TT nhanh((TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ NH)	Lần	2,5
	Khả năng TT nợ NH(TS ngắn hạn/Nợ NH)	Lần	2,6
	Khả năng TT hiện hành(Tổng TS/Nợ phải trả)	Lần	2,71
4	Hiệu quả kinh doanh		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng TS	%	4,88
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	7,73
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu	%	10,64

Từ số liệu trên cho thấy năm 2020 Công ty đã cơ bản hoàn thành Kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên đã đề ra (Chỉ tiêu tỷ lệ thất thoát tăng 3,5%). Hoạt động kinh doanh đảm bảo có lợi nhuận, các chỉ số tài chính cơ bản



của Công ty đều thể hiện được tính hiệu quả, an toàn và tăng trưởng trong hoạt động kinh doanh. Các chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, tài sản cho thấy khả năng tự chủ của Công ty. Khả năng thanh toán nhanh, thanh toán ngắn hạn, thanh toán hiện thời đều đạt hệ số > 1 đảm bảo Công ty có tình hình tài chính tốt, vốn đầu tư của cổ đông được bảo toàn và phát triển. Trong năm 2020 Công ty đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước.

Sau khi xem xét, thẩm tra, Ban kiểm soát đồng ý với Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH kiểm toán VACO. Ban kiểm soát nhất trí xác nhận số liệu tại Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán VACO.

Ý kiến của Kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty trích văn bản số 044/VACO/BCKiT-NV2 ngày 26/02/2021: *“Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”*.

IV.Đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc:

Qua quá trình giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm 2020, Ban kiểm soát không thấy điều gì bất thường trong các hoạt động, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã quản trị và điều hành với tinh thần trách nhiệm cao nhằm đem lại lợi ích lớn nhất cho Công ty và các cổ đông. Cụ thể:

1.Đối với HĐQT:

HĐQT đã tiến hành họp 22 phiên và ban hành 21 Nghị quyết, các Nghị quyết HĐQT ban hành đúng trình tự, thủ tục, đúng định hướng phát triển và đổi mới của Công ty, các cuộc họp do HĐQT triệu tập đều có đầy đủ các thành viên HĐQT và Trưởng Ban kiểm soát tham dự nội dung các cuộc họp chủ yếu tập trung bàn về thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện các chỉ tiêu kinh tế năm 2020, đề ra chiến lược phát triển Công ty, các kế hoạch hoạt động ngắn hạn, trung hạn và định hướng cho Ban Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động của Công ty.

HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn Quy định tại Quy chế, phù hợp với luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hành động vì lợi ích của cổ đông trong mối quan hệ hài hòa với lợi ích của Nhà nước.

2.Đối với Ban Tổng Giám đốc:

Năm 2020 tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty bị ảnh hưởng lớn bởi dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đã bám sát, chấp hành và triển khai kịp thời các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, quyết định của HĐQT điều hành Công ty hoạt động ổn định. Kết quả hoạt động SXKD đã hoàn thành kế hoạch, lợi nhuận năm 2020 cao hơn năm 2019, chỉ có chỉ tiêu tỷ lệ thất thoát chưa hoàn thành. Các chỉ số tài chính cơ bản của Công ty đều thể hiện được tính an toàn trong hoạt động kinh doanh. Mặt khác Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện tốt chương trình cấp nước an toàn, chất lượng nước được duy trì, đảm bảo theo quy định.

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty. Công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc tuân thủ pháp luật, Nghị quyết của HĐQT. Các Quyết định của Tổng Giám đốc phù hợp với chức năng nhiệm vụ quyền hạn được giao. Các thành viên trong Ban TGD đoàn kết, hoàn thành tốt nhiệm vụ, trách nhiệm theo lĩnh vực được phân công.

Báo cáo hoạt động của Ban Tổng Giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động chỉ đạo điều hành của Công ty. Trong báo cáo nêu rõ những khó khăn tác động, những kết quả đã đạt được đồng thời nêu rõ những tồn tại, nguyên nhân dẫn đến có chỉ tiêu chưa hoàn thành và đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện trong năm 2021. Các chế độ, quyền lợi của người lao động được đảm bảo, người lao động có việc làm và thu nhập ổn định.

V.Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và HĐQT, Ban Tổng Giám đốc:

Trong năm 2020 Ban kiểm soát đã được tham dự các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc Công ty, được cung cấp đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Tổng Giám đốc. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát đã được HĐQT, Ban Tổng Giám đốc hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ. Các ý kiến của Ban kiểm soát luôn được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc phản hồi đầy đủ, kịp thời.

VI.Kết luận và kiến nghị của Ban kiểm soát:

1.Kết luận:

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách độc lập không có bất kỳ sự can thiệp nào từ bên ngoài vào hoạt động của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động SXKD của doanh nghiệp. Tất cả các hoạt động của công ty đều tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định liên quan. Báo cáo tài chính của

Công ty được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, được kiểm toán theo đúng quy định hiện hành.

2.Kiến nghị:

Để Công ty hoàn thành các chỉ tiêu năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành mọi hoạt động SXKD của Công ty, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị như sau:

Nâng cao công tác quản trị và điều hành, đảm bảo tạo điều kiện tối đa và phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ điều hành để Công ty phát triển ổn định, kinh doanh đúng pháp luật, đạt và vượt các chỉ tiêu tài chính, kinh doanh Đại hội đồng cổ đông giao, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và cổ đông.

Xây dựng các quy định cụ thể, đẩy mạnh công tác chống thất thu thất thoát, công tác phát triển khách hàng nhằm giảm tỷ lệ thất thoát, tăng cường kiểm tra công tác quản lý khách hàng, xác định điều chỉnh mục đích sử dụng nước, duy trì và nâng cao chất lượng nước cũng như dịch vụ cấp nước.

Tiếp tục hoàn thiện năng lực quản lý tài chính Công ty, sử dụng các công cụ phân tích, dự báo phục vụ cho công tác xây dựng chiến lược kinh doanh, lập kế hoạch SXKD sát với nhu cầu tiêu thụ của khách hàng và đảm bảo kết quả SXKD các kỳ trong năm được ổn định.

Tăng cường khâu kiểm soát nội bộ, giám sát chặt chẽ chi phí quản lý, chi phí sản xuất, lựa chọn và tập trung các nguồn lực để triển khai các dự án đầu tư tiết kiệm có hiệu quả, đảm bảo việc sử dụng vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, tập huấn nâng cao tay nghề cho người lao động, tổ chức học tập, nâng cao nhận thức về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ nhằm đảm bảo an toàn tuyệt đối trong sản xuất.

Tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa chính quyền và các tổ chức đoàn thể, duy trì sự đồng thuận cao thông qua việc tổ chức thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và công tác xã hội.

PHẦN THỨ HAI

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2021



Căn cứ vào tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Công ty. Ban kiểm soát đề ra kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, Ban tổng giám đốc khi được thông báo.

Giám sát các hoạt động tại Công ty trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2021. Giám sát việc chấp hành các Quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc Công ty liên quan đến hoạt động SXKD.

Kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư năm 2021 của Công ty. Kiểm tra tính hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động SXKD, trong tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính, phối hợp với các đoàn kiểm tra, kiểm toán khi có yêu cầu.

Theo dõi kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra và cơ quan quản lý nhà nước.

Xem xét ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám đốc Công ty, của các cổ đông và người lao động tại các phòng ban và các Chi nhánh.

Thực hiện các công việc khác theo nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.

Cử các thành viên tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia đầy đủ các hội nghị chuyên ngành liên quan đến công tác kiểm soát.

Lập báo cáo định kỳ 2021 và kế hoạch hoạt động Ban kiểm soát 2022.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021, Báo cáo được thông qua trước HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và được trình bày tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 hôm nay, Ban kiểm soát trân trọng báo cáo trước Đại hội, đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban

Lê Thị Hồng Vân



UBND TỈNH LÀO CAI
CTCP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI
Số: /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Lào Cai, ngày 10 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Đại hội đồng cổ đông về sửa đổi Điều lệ

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty CP
cấp nước tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ
Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty
đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.;

Để hoàn thiện Điều lệ đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện
hành, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông
qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty (*Nội dung sửa
đổi kèm theo*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, Ban điều hành (để biết);
- Lưu: HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Ngô Thanh Phương



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
Chương I	4
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	4
Chương II	5
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,	5
THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động.	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	6
Chương III	7
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty	7
Chương IV	8
VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	8
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	9
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần, mua lại cổ phần	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần	11
Chương V	12
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	12
Chương VI	12
CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	12
Điều 12. Quyền của cổ đông	12
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	14
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	17
Điều 17. Thay đổi các quyền	18
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	20
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	23
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	26
Chương VII	26
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
Điều 25: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	26
Điều 26: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	28
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	30
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	31



Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	32
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	34
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty (kiêm nhiệm Thư ký)	35
Chương VIII	35
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	35
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	35
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp.....	36
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc	36
Chương IX.....	38
BAN KIỂM SOÁT	38
Điều 36. Ứng cử, đề cử, thành viên Ban kiểm soát	38
Điều 37. Ban kiểm soát.....	38
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	39
Chương X.....	41
TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN,.....	41
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC.....	41
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng	41
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	41
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	43
Chương XI.....	44
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	44
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	44
Chương XII.....	44
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI.....	44
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn	44
Chương XIII	46
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	46
Điều 44. Phân phối lợi nhuận.....	46
Chương XIV	47
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	47
Điều 45. Tài khoản ngân hàng	47
Điều 46. Năm tài chính	47
Điều 47. Chế độ kế toán.....	47
Chương XV	47
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	48
VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	48
Điều 48. Báo cáo tài chính sáu tháng, năm.....	48
Điều 49. Báo cáo thường niên.....	48
Chương XVI.....	48
KIỂM TOÁN CÔNG TY	48
Điều 50. Kiểm toán	48
Chương XVII.....	49
CON DẦU	49
Điều 51. Con dấu	49
Chương XVI.....	49
GIẢI THỂ CÔNG TY.....	49
Điều 52. Giải thể công ty.....	49
Điều 53. Gia hạn hoạt động.....	49
Điều 54. Thanh lý	50



Chương XVII.....	50
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	50
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.	50
Chương XVIII	51
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	51
Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	51
Chương XIX.....	51
NGÀY HIỆU LỰC	51
Điều 57. Ngày hiệu lực	51



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI
PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 tổ chức vào ngày 10 tháng 4 năm 2021;

Bản Điều lệ này cùng với các quy định của hệ thống pháp luật Nhà nước sẽ chi phối toàn bộ hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai.

Chương I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ.

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.
- b) "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) "Luật Chứng khoán" là Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- e) "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
- f) "Người điều hành doanh nghiệp" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- g) "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp; khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- h) "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
- i) "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- j) "Cổ đông phổ thông" là tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phần phổ thông.
- k) "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Khoản 5 Điều 2 Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
- l) "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- n) "Người đại diện theo uỷ quyền" là cá nhân được cổ đông uỷ quyền bằng văn bản thực hiện các quyền của mình tại Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp
- m) "Kiểm soát viên" Là Thành viên Ban kiểm soát.
- o) "Công ty" là công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai
- p) Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

Chương II

**TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,
THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động.

1. Tên Công ty.

- Tên viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI**
- Tên viết bằng tiếng Anh: **LAOCAI WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CẤP NƯỚC LÀO CAI**
- Tên viết tắt bằng tiếng anh: **LAWASUCO**

2. Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai, có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam, được chuyển đổi từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên kinh doanh Nước sạch tỉnh Lào Cai theo Quyết định phê duyệt Phương án cổ phần số: 4344/QĐ - UBND ngày 30/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai;

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ: Số 037, đường Nguyễn Huệ, P Lào Cai, TP Lào Cai - Tỉnh Lào Cai
- Điện thoại: 0214 3830 224 Fax: 0214 3830 224
- Email: Lawasucolaocai@gmail.com ; Website: Capnuoclaocai.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

Công ty có 12 Chi nhánh trực thuộc trên địa bàn toàn tỉnh (tại 8 huyện lỵ, thị xã và khu vực thành phố Lào Cai) hạch toán phụ thuộc gồm:

TT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh cấp nước số 1 - TP Lào Cai	Số 037, Nguyễn Huệ, Phường Lào Cai, TP Lào Cai.
2	Chi nhánh cấp nước số 2 - TP Lào Cai	Số 358, Hoàng Quốc Việt, Phường Bắc Lệnh, TP Lào Cai
3	Chi nhánh cấp nước Huyện Bảo Thắng	Số 203, Đường 4E, TT Phố Lu, H. Bảo Thắng, tỉnh Lào cai
4	Chi nhánh cấp nước Huyện Bảo Yên	Số 75, Đường Ngô quyền, TT Phố Ràng, H. Bảo Yên, tỉnh Lào Cai
5	Chi nhánh cấp nước Thị xã Sa Pa	Tổ 5, Đường Thác bạc, phường Sa Pa, Thị xã Sa



		Pa, tỉnh Lào Cai
6	Chi nhánh cấp nước Huyện Mường Khương	Số 01, Đường Giải phóng 11/11, TT Mường Khương, H. Mường Khương, tỉnh Lào cai
7	Chi nhánh cấp nước Huyện Bắc Hà	Khu dân cư số 2, TT Bắc Hà, H. Bắc Hà, tỉnh Lào cai
8	Chi nhánh cấp nước Huyện Si Ma Cai	Thôn Phố cũ, xã Si Ma Cai, H. Si Ma Cai, tỉnh Lào cai
9	Chi nhánh cấp nước Huyện Bát Xát	Số 056, Đường Hùng Vương, TT Bát Xát, H. Bát Xát, tỉnh Lào cai
10	Chi nhánh cấp nước Huyện Văn Bàn	Tổ 6, Đường Điện Biên phủ, TT Khánh Yên, H. Văn Bàn, tỉnh Lào cai
11	Chi nhánh cấp nước Khu công nghiệp TT Tầng Loông	Tổ 4, Đường 151, TT Tầng Loông, H. Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai
12	Chi nhánh Trung tâm đồng hồ	Đồi Nhạc Sơn, P. Kim Tân, TP Lào Cai

5. Thời gian hoạt động: Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 52 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch HĐQT.

a) Người đại diện theo pháp luật phải là người cư trú tại Việt Nam, và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

b) Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Mục a khoản này mà người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì thực hiện theo quy định sau đây:

- Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty trong phạm vi đã được ủy quyền, cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty, hoặc cho đến khi chủ sở hữu công ty, Hội đồng quản trị, quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

- Trường hợp người đại diện theo pháp luật và người này vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì chủ sở hữu công ty, Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty.

- Trong một số trường hợp đặc biệt, Tòa án có thẩm quyền có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

3. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.	3600
2	Xây dựng, Lắp đặt hệ thống cấp nước, thoát nước	43221
3	Xây dựng các công trình điện năng có cấp điện áp đến 35kv	34210
4	Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, san lấp mặt bằng, làm đường giao thông trong mặt bằng xây dựng	42900; 431
5	Sản xuất nước lọc tinh khiết đóng chai, bình	11041
6	Mua bán vật tư thiết bị chuyên ngành xây dựng, cấp thoát nước;	46591
7	Kinh doanh, nhập khẩu hóa chất; Nhập khẩu vật tư máy và thiết bị, phương tiện vận tải, vật tư thiết bị điện tử	46692
8	Quản lý dự án, Giám sát thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật.	71109
9	Kiểm nghiệm chất lượng nước; dịch vụ kiểm định đồng hồ đo nước lạnh đường kính đến D25	71200
10	Tư vấn khảo sát, lập dự án, thiết kế công trình cấp thoát nước.	74100

2. Mục tiêu hoạt động kinh doanh của Công ty:

a) Vì sức khỏe cộng đồng và đáp ứng nhu cầu của khách hàng;

b) Đảm bảo lợi nhuận của công ty và cổ tức của cổ đông;

c) Vì sự nghiệp phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Lào Cai.

d) Không ngừng nâng cao đời sống cho Cán bộ Công nhân viên.

đ) Xây dựng và giữ thương hiệu cung cấp nước sạch. Đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của công ty

1. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam và

tập trung tối đa nguồn lực cho ngành nghề chính là khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch, nước công nghiệp; bên cạnh đó cũng đẩy mạnh phát triển hoạt động thi công xây dựng, lắp đặt chuyên ngành cấp, thoát nước và các hoạt động dịch vụ tư vấn.

2. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

3. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ - CỔ PHẦN - CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của công ty là: **177.176.650.000** đồng. (*Một trăm bảy mươi bảy tỷ, một trăm bảy mươi sáu triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng*)

Số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **17.717.665** cổ phần với mệnh giá là **10.000** đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Các trường hợp thay đổi Vốn điều lệ:

a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;

b) Công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 132 và Điều 133 của Luật Doanh nghiệp;

c) Vốn điều lệ không được các cổ đông thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 113 của Luật Doanh nghiệp.

d) Tăng vốn điều lệ. Việc tăng vốn Điều lệ của công ty được thực hiện thông qua chào bán cổ phần và được thực hiện theo quy định tại Điều 123 Luật Doanh nghiệp.

- Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

+ Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;

+ Chào bán ra công chúng;

+ Chào bán cổ phần riêng lẻ.

- Chào bán cổ phần ra công chúng, chào bán cổ phần của công ty cổ phần niêm yết và đại chúng thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán.

- Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Cổ đông sáng lập. Công ty không đăng ký cổ đông sáng lập;

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật chứng khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều lệ này.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu (gọi tắt là cổ phiếu) tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn **30** ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại Phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty theo nội dung sau đây:

a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Công ty để tiêu hủy;

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần, mua lại cổ phần.



1. Chuyển nhượng cổ phần

a) Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ các cổ phần mua ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty được quy định tại điểm (i), điểm (ii), điểm (iii) khoản 1 Điều này và trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác.

- Trong thời hạn 7 ngày kể từ ngày nộp giấy chuyển nhượng cho Công ty, Công ty phải làm thủ tục chuyển nhượng và đăng ký điều chỉnh vào sổ đăng ký cổ đông và cấp lại cổ phiếu (nếu cần).

- Trường hợp cổ phiếu của Công ty niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán thì việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở giao dịch Chứng khoán.

(i) Cổ phần các cổ đông là người lao động trong công ty được mua ưu đãi theo cam kết làm việc lâu dài tại công ty được phép chuyển nhượng sau khi hết thời gian cam kết.

(ii) Trường hợp công ty cổ phần thực hiện tái cơ cấu dẫn tới người lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động, thôi việc, mất việc theo quy định của Bộ Luật Lao động trước thời hạn đã cam kết thì số cổ phần đã được mua thêm sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông. Trường hợp người lao động có nhu cầu bán lại cho doanh nghiệp số cổ phần này thì công ty cổ phần có trách nhiệm mua lại với giá sát với giá giao dịch trên thị trường.

(iii) Trường hợp người lao động chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn đã cam kết thì phải bán lại cho công ty cổ phần toàn bộ số cổ phần đã được mua thêm với giá sát với giá giao dịch trên thị trường nhưng không vượt quá giá đã được mua tại thời điểm cổ phần hóa.

b) Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

c) Thừa kế cổ phần: Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.

- Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

- Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế cổ phần thì phải cử Đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục công chứng thư. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế.

- Người thừa kế hợp pháp của cổ đông sẽ đăng ký làm chủ sở hữu các cổ phần được thừa kế với Công ty và trở thành cổ đông của Công ty, được hưởng mọi quyền lợi và thực hiện nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

- Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

- Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.



2. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông quy định tại Điều 122 của Luật Doanh nghiệp.

a) Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông:

(i) Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn **10** ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

(ii) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điểm (i) Mục a khoản này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng. Mọi chi phí về việc định giá này do cổ đông thanh toán.

b) Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty. Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán theo quy định sau đây:

- Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã được chào bán trong mỗi chu kỳ 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

- Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại Mục c, Khoản 2 Điều này.

c) Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng văn bản theo phương thức bảo đảm đến Công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

d) Công ty đại chúng mua lại cổ phần của chính công ty mình là cổ phiếu quỹ, Hội đồng quản trị được quyền chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn

lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán theo quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo lãi suất chung của ngân hàng vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị, kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Chương V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc;

Chương VI

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;



- c) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
- c) Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
- d) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- e) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Mục a Khoản 2 Điều 9 của Điều lệ này;
- i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [5]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
- b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 (sáu) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông phải được lập thành văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ

phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền, cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản này phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác mà gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc của các cổ đông khác thì phải chịu trách nhiệm bồi hoàn vật chất một cách thỏa đáng theo quyết định của Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc công ty.

5. Quy định về việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại Mục a khoản 3 điều này được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết chậm nhất ngay khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông.

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

6. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp.

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

c) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đã sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc lạm dụng chức vụ, địa vị và tài sản của Công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

7. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh Công ty sẽ tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông của Công ty có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:



- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua theo quy định.
 4. Cung cấp địa chỉ, thông tin cá nhân chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
 5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
 6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

1. Đại hội cổ đông thường niên. Đại hội cổ đông phải họp thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;



g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3. Đại hội đồng cổ đông bất thường. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) [Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ];

c) Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Mục a khoản 1 Điều 26 Điều lệ này;

d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng khẳng định các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

g) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;

b) Báo cáo của Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Ban kiểm soát;



d) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

a) Thông qua báo cáo tài chính năm;

b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

d) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;

e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

f) Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;

g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

h) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

i) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

k) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

l) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;

n) Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

m) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;

o) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

p) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a) Thông qua các hợp đồng quy định tại mục (o) khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn



một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3) Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.



2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai



mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ [5]% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút, kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp tuyên bố cuộc họp không thành công. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại, chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự, là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp, đại diện cho ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành, do không có đủ số đại biểu cần thiết, trong vòng ba mươi (30) phút, kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba, có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông, hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ, và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến, được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp, đã được gửi kèm theo thông báo mời họp, theo quy định tại khoản 3, Điều 18, của Điều lệ này.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được kiểm trước, số thẻ phản đối nghị quyết được kiểm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề sẽ được



Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó;

Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4. Chủ tọa cuộc họp:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a) Yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác.

b) Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

d) Hoãn cuộc họp Đại hội Đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau:

- Các phương tiện thông tin đại chúng tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

- Có người dự họp gây cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;

- Thời gian hoãn cuộc họp tối đa không quá 3 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

c) Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có trên 50% tổng số phiếu biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Thông qua báo cáo tài chính năm;

b) Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;

c) Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Tổng Giám đốc.

2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp như sau:

a) Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

b) Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này.



c) Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sau đây, phải được thông qua khi có từ [65%] trở lên, tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết, có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty được kiểm toán;
- e) Tổ chức lại, giải thể công ty;
- f) Sửa đổi, bổ sung các nội dung Điều lệ công ty;
- g) Mức Cổ tức thanh toán hàng năm;
- h) Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế.

4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

5. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

6. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:



- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.



7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp ĐHĐ cổ đông phải được ghi thành biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu trữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp, biên bản và có các nội dung chủ yếu sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, không tán thành, không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được đại hội đồng cổ đông thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký xác nhận của Chủ tọa và Thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Chủ tọa và thư ký Đại hội phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 16 Điều lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định hoặc một phần nội dung quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

2. Nội dung Nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25: Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và các quy định của công ty cụ thể như sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác, nhưng phải đảm bảo theo quy định tại mục e, khoản 1, Điều 26 Điều lệ này.

2. Ứng cử đề cử thành viên Hội đồng quản trị.

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và

hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ học vấn;
- c) Trình độ chuyên môn;
- d) Quá trình công tác;
- e) Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- f) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
- g) Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i) Các thông tin khác (nếu có).

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ: Tỷ lệ % / trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử như sau:

- | | | |
|------------------------|-------------------|---------------|
| a) Từ 5% đến dưới 10% | được đề cử | (01) ứng viên |
| b) Từ 10% đến dưới 30% | được đề cử tối đa | (02) ứng viên |
| c) Từ 30% đến dưới 40% | được đề cử tối đa | (03) ứng viên |
| d) Từ 40% đến dưới 50% | được đề cử tối đa | (04) ứng viên |
| e) Từ 50% đến dưới 60% | được đề cử tối đa | (05) ứng viên |
| f) Từ 60% đến dưới 70% | được đề cử tối đa | (06) ứng viên |
| g) Từ 70% đến dưới 80% | được đề cử tối đa | (07) ứng viên |
| h) Từ 80% đến dưới 90% | được đề cử tối đa | (08) ứng viên |

4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 26: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị:

- a) Số lượng thành viên HĐQT của công ty là năm (05) người.
- b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- c) Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

d) Thành viên Hội đồng quản trị của 01 công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Có đơn từ chức;

c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d) Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

g) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

6. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Trong trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm còn ít hơn 50% so với quy định tại Điều lệ này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá 60 ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

7. Việc thay thế thành viên hội đồng quản trị cơ bản theo nguyên tắc kế thừa, đảm bảo trong Hội đồng quản trị có ít nhất 3 thành viên cũ.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;



c) Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, và người điều hành khác (gồm: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, cử người đại diện phần vốn tại công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước Lào Cai) và quyết định mức lương, thù lao của họ;

d) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;

e) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

g) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

h) Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

i) Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;

k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

l) Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;

n) Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;

m) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

o) Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

p) Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

q) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

r) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b) Thành lập các công ty con của Công ty;

c) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ này, và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Điều lệ này và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

g) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

h) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;



i) Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

k) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

l) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

m) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

5. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

6. Ngoài ra, thành viên Hội đồng quản trị phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;

d) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp và phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công

việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên HĐQT được công ty trả tiền lương và các chế độ khác theo kết quả, hiệu quả kinh doanh và theo quy chế trả lương, của công ty đảm bảo tuân thủ quy định về tiền lương của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ LĐ-TBXH.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc của cùng 01 công ty đại chúng.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này cụ thể như sau:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- g) Phê duyệt dự án đầu tư.
- h) Phê duyệt quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc điều hành, các phó tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, Thư ký công ty, người đại diện phần vốn của Công ty tại Công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước Lào Cai.
- i) Phê duyệt tuyển dụng lao động trên cơ sở đề nghị của tổng Giám đốc.
- k) Có trách nhiệm thay mặt Hội đồng quản trị ký các văn bản, quyết định, quy định, thỏa thuận thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị và đã được Hội đồng quản trị thông qua theo đúng quy định.

l) Thay mặt Hội đồng quản trị chấp thuận bằng văn bản đối với Quy chế nội bộ (*như Quy chế quản lý tài chính, quy chế quản lý công nợ, quy chế chi tiêu nội bộ, quy trình thanh toán, quy trình quản lý kho vật tư, định mức kỹ thuật... v.v.*) làm cơ sở để Tổng giám đốc ban hành và tổ chức thực hiện, nhằm nâng cao hiệu quả quản trị của Ban điều hành.

n) Ký kết hợp đồng, các giao dịch giữa công ty với các đối tác và nội bộ có giá trị đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất. (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Các Hợp đồng có giá trị từ trên 10 (mười) tỷ đồng đến dưới 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất phải được thông báo



tới Ban kiểm soát trước khi ký kết.

m) Ủy quyền cho Tổng giám đốc được ký kết một số hợp đồng hoặc giao dịch với các đối tác và nội bộ thuộc thẩm quyền của mình. Việc ủy quyền được quy định cụ thể tại Quy chế của Hội đồng quản trị và quy chế làm việc của Ban Tổng giám đốc.

o) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, thì thành viên còn lại bầu một trong số họ tạm thời thay thế cho đến khi HĐQT bầu được chủ tịch mới. Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm [(05) ngày làm việc] trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a) Ban kiểm soát;
- b) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất ba (03) người điều hành khác;
- c) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Các trường hợp khác (nếu có).

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.



5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp: Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất [hai (02)] ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.



11. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

e) Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết, hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty, và biết bản thân là người có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị, thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan, có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này, phải công khai các lợi ích liên quan, tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị, được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng, mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro.

a) Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài.

b) Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.

c) Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.

d) Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty (kiêm nhiệm Thư ký)

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Chương VIII

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty bao gồm:

a) Ban Tổng giám đốc gồm: Tổng Giám đốc; Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;

b) Các phòng, ban chức năng chuyên môn nghiệp vụ;

c) Các chi nhánh trực thuộc;

2. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Công ty có một (01) Tổng Giám đốc, ba (03) Phó Tổng Giám đốc và một (01) Kế toán trưởng có thể là thành viên Hội đồng quản trị và do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm.

Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quy định tại khoản này phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

3. Trưởng, phó các phòng ban, Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh trực thuộc do Tổng Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm sau khi có ý kiến chấp thuận của Hội đồng quản trị, chịu trách nhiệm trước Ban Tổng Giám đốc và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.

Điều 34 . Người điều hành doanh nghiệp

1. Tổng Giám đốc, là người điều hành hoạt động SXKD của công ty. Các Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc theo lĩnh vực được phân công, và thay mặt Tổng Giám đốc điều hành doanh nghiệp theo ủy quyền của Tổng Giám đốc.

2. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị Công ty, Tổng Giám đốc lựa chọn, tuyển dụng Trưởng phó các phòng ban chuyên môn, Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh trực thuộc với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Việc tuyển dụng phải được HĐQT phê duyệt. Trưởng phó các phòng ban chuyên môn, Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh trực thuộc phải có trách nhiệm tích cực hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức;

3. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc và các thành viên thuộc Ban điều hành do Hội đồng quản trị quyết định. Đối với Trưởng phó các phòng ban chuyên môn, Giám đốc, Phó Giám đốc các chi nhánh trực thuộc do Tổng Giám đốc quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc.

a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14.

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

c) Có sức khỏe và phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết.

d) Tổng Giám đốc không được đồng thời làm Tổng Giám đốc điều hành của doanh nghiệp khác.

3. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:



a) Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại trong phạm vi quyền hạn của mình, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c) Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, tổ chức xây dựng và quy chế quản lý nội bộ, của Công ty trình xin ý kiến HĐQT trước khi phê duyệt, ban hành;

d) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;

g) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

h) Chậm nhất vào tháng 3 hàng năm, trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

i) Chuẩn bị kế hoạch tài chính dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản kế hoạch tài chính hàng năm cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

J) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

4. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty, thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

5. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;

6. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

7. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

8. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.



9. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị, có quyền biểu quyết dự họp tán thành, và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

10. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Chương IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử, thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát của Công ty có [ba (03)] người. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 169 Luật Doanh nghiệp và quy định tại Điều lệ này cụ thể như sau:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 17 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

b) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

c) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

d) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

e) Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập, thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

g) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều 37 Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp như sau:

a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

e) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này.

g) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.



h) Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

i) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

j) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

k) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

l) Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

n) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

m) Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

o) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

p) Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;

q) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

r) Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật hiện hành.

s) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

t) Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

u) Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

v) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.



Thư ký công ty phải bảo đảm rằng: Thông báo mời họp, toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Trưởng Ban kiểm soát được thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐ-TBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội hoặc các quy định sửa đổi khác của nhà nước có liên quan;

Chương X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

a) Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:



- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

- Việc kê khai theo quy định tại mục b khoản này phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

- Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

+ Công ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

+ Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp.

- Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;

- Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

c) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác, để thực hiện công việc dưới mọi hình thức, trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty, đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác, không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân, hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác, có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty, mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay, hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên, hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này, là các công ty trong cùng tập đoàn,



hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ, hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng [hai mươi phần trăm (20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn [hai mươi phần trăm (20%)] tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

c) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.

d) Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên

hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Chương XI

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, các phó tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

Người quản lý được yêu cầu cung cấp tài liệu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc.

3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.

Chương XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN, CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

Điều 43. Công nhân viên và công đoàn



1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

a) Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động đối với người lao động thực hiện theo Bộ luật lao động; Thỏa ước lao động tập thể và Hợp đồng lao động đã ký giữa Tổng Giám đốc (hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền) với người lao động không trái với quy định pháp luật hiện hành.

a) Người lao động trong Công ty cổ phần được hưởng quyền lợi theo quy định của Điều lệ này, Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của Công ty.

b) Người lao động có quyền giám sát Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau:

- Hội nghị người lao động của Công ty.

- Tổ chức Công đoàn của Công ty.

- Thông qua việc phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn, tổ chức chính trị, xã hội theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

a) Đối với Tổ chức công đoàn. Người lao động thông qua người Đại diện của người lao động có quyền tham gia thảo luận góp ý kiến trước khi Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc Công ty ra quyết định các vấn đề sau:

- Phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch, các giải pháp sắp xếp lại tổ chức để phát triển sản xuất kinh doanh; sắp xếp và bố trí lại lao động trong Công ty.

- Phương án phân phối lợi nhuận sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phương án phân phối tiền lương, tiền thưởng, các quyền và lợi ích hợp pháp khác.

- Các Nội quy, Quy chế của doanh nghiệp liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

- Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại. Nâng lương, nâng bậc, chuyển ngạch, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, viên chức và người lao động trong Công ty.

- Giải quyết đơn, thư khiếu nại của người lao động trong Công ty.

- Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

b) Công ty đảm bảo các quyền và nghĩa vụ hợp pháp của người lao động theo quy định của pháp luật. Công ty xây dựng hệ thống thang, bảng lương trong doanh nghiệp làm cơ sở trả lương, trả công cho người lao động; hoặc xây dựng cơ chế trả lương phù hợp với tính chất, mức độ phức tạp của công việc và gắn với kết quả hoàn thành công việc.

c) Đảng ủy lãnh đạo Công ty thông qua đảng viên trong hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các đoàn thể chính trị, đảng viên và quần chúng.

3. Nghĩa vụ của người lao động

a) Người lao động phải hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, có nghĩa vụ thực hiện đúng nội dung hợp đồng lao động đã ký với Công ty, chấp hành Điều lệ, Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp của Công ty đã đăng ký tại Sở Lao động Thương binh Xã hội tỉnh Lào Cai. Đối với những người vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất,

Tổng Giám đốc Công ty có quyền xử lý theo Nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Người lao động phải học tập nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề để hoàn thành công việc được giao;

c) Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Các tổ chức chính trị, xã hội.

a) Các tổ chức chính trị, xã hội trong công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước Việt Nam và theo các Điều lệ, các quy định của tổ chức mình, phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Công ty tôn trọng và tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia vào các tổ chức chính trị, xã hội và hoạt động theo những quy định tại khoản 1 điều này.

c) Đảng ủy lãnh đạo công ty thông qua đảng viên trong HĐQT, tổng giám đốc, các đoàn thể chính trị, đảng viên và quần chúng.

Chương XIII **PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

Điều 44. Phân phối lợi nhuận

1. Lợi nhuận phân phối của Công ty là phần còn lại sau khi đã bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp; Trích quỹ phát triển khoa học công nghệ (nếu có) được phân phối như sau:

a) Trích quỹ phát triển khoa học tối đa 5% (nếu có);

b) Trích quỹ phát triển sản xuất kinh doanh tối đa 10%;

c) Trích quỹ thưởng HĐQT, Ban điều hành, Ban Kiểm soát được thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐ-TBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội hoặc các quy định sửa đổi khác của nhà nước có liên quan;

d) Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động được thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 18 Thông tư số 28/2017/TT-BLĐ-TBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội hoặc các quy định sửa đổi khác của nhà nước có liên quan;

e) Trả cổ tức.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm, từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty, với số cổ phần biểu quyết phải đạt trên 50%.

a) Cổ tức là khoản lợi nhuận ròng, được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt, hoặc bằng tài sản khác, từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty cổ phần. Công ty chỉ chi trả cổ tức cho cổ phần phổ thông, sau khi đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định tại Mục a, Mục b, Mục c, Mục d, Khoản 1, Điều này.

Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, hoặc bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam.

b) Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm

nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Nội dung thông báo theo quy định tại Khoản 4 Điều 135 của Luật Doanh nghiệp.

3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và HĐQT trị là cơ quan thực thi quyết định này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết hoặc đã đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Chương XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 46. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31/12 cùng năm cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 47. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác khi được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Chương XV



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48. Báo cáo tài chính sáu tháng, năm

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính sáu tháng, năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán tới cơ quan Sở tài chính, cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trong trường hợp Công ty đã niêm yết) và Cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và Cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (đối với công ty niêm yết, công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng, năm trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Báo cáo thường niên

1. Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán (Thời gian nộp và mẫu báo cáo theo phụ lục 4, ban hành theo Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính).

2. Các báo cáo (báo cáo tài chính đã được kiểm toán, báo cáo thường niên, Báo cáo tình hình điều hành SXKD của Ban Tổng giám đốc, Báo cáo đánh giá công tác quản lý điều hành) phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất **15** (Mười lăm) ngày trước ngày khai mạc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

3. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Chương XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên, chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập, và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn, một trong số các đơn vị này, tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của



Công ty, cho năm tài chính tiếp theo, dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau 45 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

Chương XVII CONDẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và phải thể hiện những thông tin sau đây:

- a) Tên Công ty;
- b) Mã số doanh nghiệp.

2. Việc quản lý và lưu giữ dấu thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty hoặc quy chế do doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của doanh nghiệp có dấu ban hành. Doanh nghiệp sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.

Chương XVI GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 52. Giải thể công ty.

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53. Gia hạn hoạt động.

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất [7 tháng] trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 54. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế và các khoản phải nộp nhà nước;
- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

Chương XVII

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ.

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải.



Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án

Chương XVIII BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Mọi cổ đông đều có quyền đề xuất sửa đổi Điều lệ, và Hội đồng quản trị phải tổng hợp những đề xuất sửa đổi mang lại hiệu quả, phương thức quản lý tiến bộ hoặc các lợi ích khác, làm Công ty phát triển bền vững, để trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty, chưa được đề cập trong bản Điều lệ này, hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này, thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XIX NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 19 chương 57 điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai nhất trí thông qua ngày 10 tháng 4 năm 2021 tổ chức tại Hội trường Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai đời 117 nhà máy nước Lào Cai - P.Lào Cai - TP Lào Cai và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a) Một (01) bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương;
- b) Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố;
- c) Bốn (04) bản lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty, thay thế bản Điều lệ đã thông qua tại Đại Hội đồng cổ đông thường niên ngày 29/6/2018 và các phụ lục sửa đổi bổ sung.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty, có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị./.

Lào Cai, ngày 10 tháng 4 năm 2021

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



UBND TỈNH LÀO CAI
CTCP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI
Số: /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Lào Cai, ngày 10 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Đại hội đồng cổ đông về sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty CP
cấp nước tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ
Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty
đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Để hoàn thiện Quy chế nội bộ về quản trị công ty đảm bảo theo đúng các
quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội
đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản
trị công ty (*Nội dung sửa đổi kèm theo*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, Ban điều hành (để biết);
- Lưu: HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ngô Thanh Phương



UBND TỈNH LÀO CAI
CTCP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

Lào Cai, ngày 10 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 10 tháng 4 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai;

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

a) Vai trò của Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

- Đại hội cổ đông thường niên. Đại hội cổ đông phải họp thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc



năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn hợp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.

- Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- + Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
- + Báo cáo tài chính hằng năm;
- + Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- + Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- + Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
- + Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- + Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

b) Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

- Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thâm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

+ Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

+ [Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ];

+ Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định là năm (05) người;

+ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [5]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

+ Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng khẳng định các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

+ Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định là năm (05) người



hoặc khi nhận được yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [5]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc khi nhận được yêu cầu của Ban kiểm soát;

+ Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

+ Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định trên thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ [5]% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;

- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

- Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:



- Công ty thực hiện công bố thông tin về việc lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

- Việc thực hiện chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp tuân thủ theo quy định của Luật Chứng khoán và Quy chế của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).

d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

- Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX); trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

- Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

+ Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

+ Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

+ Phiếu biểu quyết.

- Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);



- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị nêu trên thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- + Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định về thời gian;
- + Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- + Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông và cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

- Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 14 Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

- Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

- Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- + Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- + Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- + Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử

hoặc hình thức điện tử khác;

- + Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
- + Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

g) Điều kiện tiến hành;

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định nêu trên thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật Doanh nghiệp.

h) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

- Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

- Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- Định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;



- Tổ chức lại, giải thể công ty.

i) Cách thức bỏ phiếu và kiểm phiếu;

- Việc bầu Ban kiểm phiếu được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

- Các cổ đông, đại diện theo uỷ quyền của cổ đông khi tới dự họp Đại hội đồng cổ đông sau khi nghe các báo cáo cần thông qua, sẽ cùng thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Cổ đông muốn phát biểu có thể giơ tay đề nghị được phát biểu.

- Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung: Bầu Ban kiểm phiếu, Chương trình họp, Quy chế cuộc họp, các Biên bản và Nghị quyết họp ĐHĐCĐ và biểu quyết thông qua các báo cáo/tờ trình Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

- Chủ toạ sẽ hỏi ý kiến của cổ đông (hoặc người đại diện theo uỷ quyền) đối với từng vấn đề theo trình tự: Tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Cổ đông (hoặc người đại diện theo uỷ quyền) biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết để thể hiện ý kiến biểu quyết.

- Việc xác định kết quả kiểm phiếu được tiến hành bằng cách Ban kiểm phiếu sẽ đếm lần lượt số thẻ tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

- Trường hợp cổ đông tham dự họp sau khi Đại hội đã biểu quyết một số nội dung trong Chương trình họp thì cổ đông đó chỉ biểu quyết các nội dung còn lại.

- Trường hợp cổ đông đã tham dự họp sau đó rời cuộc họp trước khi biểu quyết các nội dung còn lại thì đồng nghĩa với việc cổ đông đó tán thành với nội dung được đề nghị biểu quyết sau thời điểm cổ đông đó rời cuộc họp.

- Trường hợp cổ đông không giơ phiếu biểu quyết cả ba lần xin ý kiến (tán thành, không tán thành, không có ý kiến) đồng nghĩa với việc tán thành nội dung đó.

k) Điều kiện để nghị quyết được thông qua;

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

+ Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

+ Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

+ Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

+ Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

+ Tổ chức lại, giải thể công ty;

+ Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

- Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng



số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- Trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

- Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

l) Thông báo kết quả kiểm phiếu;

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp báo cáo Chủ tọa kết quả của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được Ban kiểm phiếu công bố sau khi tiến hành biểu quyết và trước khi kết thúc phiên họp được ghi vào Biên bản họp ĐHĐCĐ.

m) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ

đồng trong các trường hợp sau đây:

- Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật Doanh nghiệp;

- Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

n) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

+ Chương trình và nội dung cuộc họp;

+ Họ, tên chủ tọa và thư ký;

+ Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

+ Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

+ Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

+ Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

+ Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

+ Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

- Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp



phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

- Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày được thông qua.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

o) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được lập và thông qua tại cuộc họp.

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày được thông qua.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản;

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ các trường hợp sau đây:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;

- Định hướng phát triển công ty;

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;

- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

- Tổ chức lại, giải thể công ty quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp;



b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện như quy định họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật Doanh nghiệp;

- Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Mục đích lấy ý kiến;

+ Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

+ Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

+ Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

+ Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

+ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

- Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

+ Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

+ Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

+ Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;



- Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

+ Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

+ Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

+ Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

+ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

- Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

- Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết):

Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là hình thức tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có sử dụng phương tiện điện tử để truyền tải hình ảnh, âm thanh thông qua môi trường internet, cho phép cổ đông ở nhiều địa điểm khác nhau có thể theo dõi diễn biến của đại hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.

a) *Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;*

- Căn cứ theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị quyết định triệu tập đại



hội theo hình thức Đại hội trực tuyến.

- Ban tổ chức đại hội có trách nhiệm thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, gửi thư mời họp, công bố thông tin, gửi tài liệu họp và các công việc khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

- Ban tổ chức đại hội có trách nhiệm gửi văn bản có nội dung hướng dẫn xác nhận tư cách cổ đông đến từng cổ đông;

b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

Công ty sẽ hướng dẫn cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trên website công ty (<http://www.capnuoclaocai.vn>).

c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

Công ty sẽ hướng dẫn cách thức ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến trên website công ty (<http://www.capnuoclaocai.vn>).

d) Điều kiện tiến hành;

- Số cổ đông đăng ký tham dự đại hội đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết theo danh sách ngày đăng ký cuối cùng do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cung cấp;

- Hệ thống tổ chức Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử phải đáp ứng các điều kiện sau:

+ Đường truyền của hệ thống tại địa điểm chính phải liên tục, ổn định, đảm bảo sự tham dự của các cổ đông không bị gián đoạn. Trường hợp việc tổ chức đại hội bị gián đoạn tại địa điểm chính thì Ban tổ chức đại hội hoặc Ban chủ tọa phải tóm tắt lại diễn biến phần gián đoạn đó.

+ Địa điểm chính phải đảm bảo các điều kiện về âm thanh, ánh sáng, đường truyền, nguồn điện, phương tiện điện tử và các trang thiết bị khác theo yêu cầu và tính chất của cuộc họp trực tuyến.

+ Đảm bảo an toàn thông tin, giữ bí mật Tài khoản truy cập vào Hệ thống. Mọi thông tin tiếp nhận và cung cấp trên Hệ thống đảm bảo nguyên tắc bảo mật thông tin và phù hợp với các quy định của Luật An toàn thông tin mạng.

+ Dữ liệu điện tử của chương trình Đại hội trực tuyến phải được lưu giữ, trích xuất được từ Hệ thống.

đ) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thông qua tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông đã đăng ký tham dự đại hội chấp thuận.

e) Cách thức bỏ phiếu và kiểm phiếu trực tuyến;

Cổ đông đăng nhập vào trang web <http://www.capnuoclaocai.vn> theo hướng



dẫn cụ thể của Ban tổ chức Đại hội để thực hiện biểu quyết.

g) Thông báo kết quả kiểm phiếu;

- Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.

- Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến.

h) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

- Nội dung họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được Ban thư ký ghi chép và lập thành Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

- Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội trực tuyến.

i) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải được lập và thông qua tại cuộc họp.

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày hoặc được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày được thông qua.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị).

a) Vai trò của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

b) Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định như sau:



+ Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

+ Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ công ty không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường;

- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

- Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, và người điều hành khác (gồm: Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, cử người đại diện phần vốn tại Công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước Lào Cai) và quyết định mức lương, thù lao của họ;

- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

c) Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu

về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

- Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

- Số lượng thành viên HĐQT của công ty là năm (05) người.
- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

- Thành viên Hội đồng quản trị của 01 công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;

- Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu

làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên thành viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau:

- + Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- + Trình độ học vấn;
- + Trình độ chuyên môn;
- + Quá trình công tác;
- + Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác.

- + Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- + Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- + Các thông tin khác.

- Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ: Tỷ lệ % / trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử như sau:

- | | | |
|------------------------|-------------------|---------------|
| a) Từ 5% đến dưới 10% | được đề cử | (01) ứng viên |
| b) Từ 10% đến dưới 30% | được đề cử tối đa | (02) ứng viên |
| c) Từ 30% đến dưới 40% | được đề cử tối đa | (03) ứng viên |
| d) Từ 40% đến dưới 50% | được đề cử tối đa | (04) ứng viên |
| e) Từ 50% đến dưới 60% | được đề cử tối đa | (05) ứng viên |
| f) Từ 60% đến dưới 70% | được đề cử tối đa | (06) ứng viên |
| g) Từ 70% đến dưới 80% | được đề cử tối đa | (07) ứng viên |
| h) Từ 80% đến dưới 90% | được đề cử tối đa | (08) ứng viên |

- Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

Số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu được ĐHĐCĐ thông qua trong chương trình họp. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi cổ đông/người được uỷ quyền của cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/được uỷ quyền nhân với số thành viên Hội đồng quản trị được bầu. Cổ đông/người được uỷ quyền của cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Công thức tính như sau:

Tổng số	=	Tổng số cổ phần sở	x	Số thành viên
----------------	----------	---------------------------	----------	----------------------



phiếu bầu

hữu/được uỷ quyền

Hội đồng quản trị cần bầu

d) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;

- Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

+ Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

+ Có đơn từ chức và được chấp thuận;

+ Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

- Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

+ Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

+ Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

- Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định nêu trên.

+ Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

+ Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

+ Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

Công ty thực hiện thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo trình tự, thủ tục quy định tại Quy chế công bố thông tin và quy định của pháp luật có liên quan.

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị sẽ là cơ quan thực hiện việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Cụ thể như sau:

- Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong số các thành viên của Hội đồng quản trị.

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội



đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì bầu chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp mà có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

+ Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó.

- Miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị: Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

+ Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp 2020;

+ Có đơn từ chức và được chấp thuận;

+ Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, thì thành viên còn lại bầu một trong số họ tạm thời thay thế cho đến khi HĐQT bầu được chủ tịch mới. Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

- Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp và phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao



dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thành viên HĐQT được công ty trả tiền lương và các chế độ khác theo kết quả, hiệu quả kinh doanh và theo quy chế trả lương, của công ty đảm bảo tuân thủ quy định về tiền lương của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ LĐ-TBXH.

- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm;

Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi tháng một lần và có thể họp bất thường.

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;

- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

+ Ban kiểm soát;

+ Tổng Giám đốc hoặc ít nhất ba (03) người điều hành khác;

+ Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

+ Các trường hợp khác (nếu có).

- Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định);

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác trừ trường hợp họp bất thường. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

- Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại,



fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

- Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;

- Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

e) Cách thức biểu quyết;

- Mỗi thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp có mặt tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) quyền biểu quyết. Hội đồng quản trị biểu quyết bằng hình thức giơ tay.

- Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của công ty.

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ban hành nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;

- Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- + Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- + Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định;
- + Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- + Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;



+ Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

- Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

- Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

- Khi ủy quyền có thể làm họp đồng ủy quyền có công chứng để ủy quyền cho người được ủy quyền để thay cố đông tham gia các công việc cụ thể trong cuộc họp Hội đồng quản trị. Nếu người đại diện thực hiện các công việc ngoài phạm vi ủy quyền thì người đó phải chịu trách nhiệm với những hành vi của mình.

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- + Thời gian, địa điểm họp;
- + Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- + Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- + Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- + Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- + Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- + Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- + Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

- Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

- Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt



và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;

Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định thì biên bản này có hiệu lực.

l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu) hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng theo trình tự quy định tại Quy chế công bố thông tin và quy định của pháp luật có liên quan.

5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty (kiêm nhiệm Thư ký công ty) bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty (kiêm nhiệm Thư ký công ty);

Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty và các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty (kiêm nhiệm Thư ký công ty);

Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

c) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty (kiêm nhiệm Thư ký công ty);

- Vi phạm các quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty được quy định tại điểm đ Khoản 5 Điều 3 Quy chế này gây thiệt hại nghiêm trọng đến công ty;

- Vi phạm các quy định, quy chế của công ty hoặc quy định của pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng;

- Lợi dụng vị trí công tác để mưu lợi cá nhân làm ảnh hưởng đến công ty;

- Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu công việc;

- Không hoàn thành nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao;

- Làm mất đoàn kết nội bộ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín và hình ảnh



của công ty;

- Có đơn từ chức;
- Chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật;
- Mất năng lực hành vi;
- Bị chết hoặc bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;
- Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật liên quan;

d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty (kiêm nhiệm Thư ký công ty);

- Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty được Hội đồng quản trị công ty thông qua, quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm được thông báo đến Tổng Giám đốc.

- Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty, Tổng Giám đốc công ty có trách nhiệm tổ chức thông báo trong nội bộ công ty và thông báo tới các cơ quan, đơn vị chức năng (nếu cần).

đ) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;

- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- Tham dự các cuộc họp;

- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

- Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;

- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.



- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty.

- Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

- Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

- Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

- Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty,



bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;
 - Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
 - Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
 - Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
 - Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát:
- a) *Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát;*
- Ban kiểm soát công ty gồm ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- b) *Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;*
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 17 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
 - Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
 - Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;



- Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập, thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;

- Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên thành viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên thành viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên thành viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau:

- + Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- + Trình độ học vấn;
- + Trình độ chuyên môn;
- + Quá trình công tác;
- + Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác.
- + Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- + Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- + Các thông tin khác.

d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;

Số thành viên Ban Kiểm soát cần bầu được ĐHCĐ thông qua trong chương trình họp. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó mỗi cổ đông/người được uỷ quyền của cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu/được uỷ quyền nhân với số thành viên Ban kiểm soát được bầu. Cổ đông/người được uỷ quyền của cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Công thức tính như sau:

Tổng số phiếu bầu	=	Tổng số cổ phần sở hữu/được uỷ quyền	x	Số thành viên Ban kiểm soát cần bầu
--------------------------	----------	---	----------	--

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;



- Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát:
 - + Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - + Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - + Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
 - Các trường hợp bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát:
 - + Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - + Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - + Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - + Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát:*
- Công ty thực hiện thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo trình tự, thủ tục quy định tại Quy chế công bố thông tin và quy định của pháp luật có liên quan.
- g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.*
- Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
 - Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
 - Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.
 - Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Trưởng Ban kiểm soát được thực hiện theo hướng dẫn tại Khoản 2 Điều 18 Thông tư số 28/2017/TT-BLD-TBXH ngày 01/9/2016 của Bộ lao động thương binh và xã hội hoặc các quy định sửa đổi khác của nhà nước có liên quan;



Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
- Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
- Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - + Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - + Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - + Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
 - + Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
 - + Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - + Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - + Tuyển dụng lao động;
 - + Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - + Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Tổng Giám đốc

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc;

- Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - + Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - + Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
 - + Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công



ty.

+ Tổng Giám đốc có thể là thành viên HĐQT hoặc một người khác theo Quyết định của HĐQT.

+ Các tiêu chuẩn khác do Hội đồng quản trị quyết định.

b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc;

- Hội đồng quản trị có thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với chức vụ Tổng Giám đốc.

- Thời hạn bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc không quá 05 năm/nhiệm kỳ và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

c) Bổ nhiệm Tổng Giám đốc;

Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc.

d) Miễn nhiệm Tổng Giám đốc;

- Điều hành Công ty vi phạm pháp luật, để lại hậu quả nghiêm trọng hoặc có hoạt động kinh doanh trái với quy định pháp luật.

- Vi phạm các quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty gây thiệt hại nghiêm trọng đến công ty.

- Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu thực thi chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của công ty.

- Làm mất đoàn kết nội bộ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, hình ảnh của Công ty.

- Có đơn từ chức và được chấp thuận.

- Chấm dứt hợp đồng theo quy định của pháp luật.

- Mất năng lực hành vi dân sự.

- Bị chết hoặc bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật.

- Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật hiện hành.

đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với Tổng Giám đốc;

- Công ty công bố thông tin trong thời hạn 24h kể từ khi Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc trên trang điện tử của Công ty và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo quy định.

- Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin, Công ty gửi thông báo cho các cơ quan, tổ chức có liên quan bản cung cấp thông tin cán bộ quản lý mới (nếu có) theo quy định.

e) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc.

Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 6. Các hoạt động khác



1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc trước ngày họp;

- Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

- Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

- Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;

Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc;

Các nghị quyết và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

d) Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

+ Có đề nghị của Ban kiểm soát;

+ Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

+ Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;

- Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

đ) Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện



nhệm vụ và quyền hạn được giao;

Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện lập báo cáo về kết quả điều hành SXKD của mình, gửi Hội đồng quản trị trước thời hạn họp Hội đồng quản trị 03 (ba) ngày.

e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc;

- Tổng Giám đốc là người triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông. Trong khi thực hiện nếu phát hiện các vấn đề không có lợi cho Công ty, thì Tổng Giám đốc phải báo ngay với HĐQT trị để xem xét và điều chỉnh Nghị quyết, Quyết định (nếu cần). Trường hợp HĐQT không điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định, thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

- Hàng quý, chậm nhất vào ngày 20 của tháng đầu quý Hội đồng quản trị tiến hành kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền của mình đối với Tổng Giám đốc và các thành viên Ban Tổng Giám đốc.

- Căn cứ kết quả thực hiện, HĐQT sẽ quyết định các vấn đề chủ yếu, nhằm hỗ trợ công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc, hướng tới đạt và vượt các chỉ tiêu mà nghị quyết đã đề ra.

- Đối với vấn đề được ủy quyền khác của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc phải kiểm điểm cụ thể đối với từng vấn đề và nội dung đã thực hiện, nội dung chưa thực hiện, nội dung thực hiện vượt thẩm quyền (nếu có), giải trình các lý do về việc thực hiện vượt thẩm quyền đó.

g) Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Báo cáo về tình hình hoạt động SXKD của năm trước, kế hoạch SXKD năm tiếp theo của Ban Tổng Giám đốc phải được đệ trình lên HĐQT chậm nhất vào **ngày 15/3 hàng năm**, để được thông qua và làm cơ sở cho việc xây dựng hệ thống báo cáo trình tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Báo cáo quy định tại mục này phải được lập trên cơ sở báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

- Báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm phải được gửi tới Ban kiểm soát. Kết thúc năm, báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành phải được gửi tới Ban kiểm soát để thẩm định trước ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày.

- Các báo cáo và cung cấp thông tin tới HĐQT được gửi qua Thư ký Công ty. Cung cấp tới Ban Kiểm soát bằng hình thức gửi qua Email hoặc trực tiếp tới



văn phòng Ban kiểm soát.

h) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên:

- Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác:

- Kết thúc năm, căn cứ kết quả hoàn thành kế hoạch và chức năng nhiệm vụ được giao, HĐQT tiến hành cuộc họp đánh giá xếp loại đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng Giám đốc, làm cơ sở xét khen thưởng, kỷ luật. Việc xét thi đua khen thưởng, kỷ luật được tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan và quy chế nội bộ của Công ty.

- Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức đánh giá, nhận xét đối với thành viên Ban Kiểm soát viên của công ty. HĐQT tham gia và có ý kiến đánh giá, nhận xét đối với Kiểm soát viên công ty.

- Ban Tổng Giám đốc đánh giá, xét thi đua khen thưởng đối với người quản lý khác, theo quy chế khen thưởng của công ty. Trong đó việc khen thưởng thực hiện theo từng đợt phát động thi đua và cuối năm.

- Việc đánh giá xếp loại khen thưởng gồm 4 mức:

- a) Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ;
- b) Hoàn thành tốt nhiệm vụ;
- c) Hoàn thành nhiệm vụ;
- d) Không hoàn thành nhiệm vụ;

3. Các vấn đề khác (nếu có).

Điều 7. Hiệu lực thi hành



Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai
bao gồm [7 điều] và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Edited with the trial version of
Foxit Advanced PDF Editor

To remove this notice, visit:
www.foxitsoftware.com/shopping



UBND TỈNH LÀO CAI
CTCP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI
Số: /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Lào Cai, ngày 10 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Đại hội đồng cổ đông về sửa đổi Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị công ty

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty CP
cấp nước tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ
Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty
đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Để hoàn thiện Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị công ty đảm bảo theo
đúng các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị Công ty kính trình
Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt
động của Hội đồng quản trị công ty (*Nội dung sửa đổi kèm theo*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, Ban điều hành (để biết);
- Lưu: HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ngô Thanh Phương



UBND TỈNH LÀO CAI
CTCP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

Lào Cai, ngày 10 tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 10 tháng 4 năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.



2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị công ty có 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu và miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành



viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện pháp luật của công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị.
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; Thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành các Nghị quyết, Quyết định và văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị; Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ giữa hai kỳ họp của Hội đồng quản trị.
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Thay mặt Hội đồng quản trị ký Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

g) Thay mặt Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty (kiêm nhiệm Thư ký công ty) giúp việc chuyên trách cho Hội đồng quản



trị, quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cho chức danh này.

h) Thay mặt Hội đồng quản trị nhận và trả lời các báo cáo, đề xuất lên Hội đồng quản trị của Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, công tác điều hành.

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn [10 ngày] kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

- Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

- Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

+ Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

+ Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

+ Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

+ Tham dự các cuộc họp;

+ Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

+ Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

+ Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;



- + Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- + Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- + Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ [5%] tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông



quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của



công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ [35%] tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, các Phó Tổng



Giám đốc và Kế toán trưởng; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền đại diện phần vốn của công ty tham gia Hội đồng quản trị ở Công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước Lào Cai, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết, Quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp Nghị quyết, Quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua Nghị quyết, Quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết, Quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua Nghị quyết, Quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ Nghị quyết, Quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ



công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

[Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác], Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn [30] ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;



- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật Doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi tháng 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 03 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.



4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là [03 ngày] làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác [theo quy định trong Điều lệ công ty].

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng



quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. [Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn], Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi



lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan



đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Môi quan hệ với ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các Nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các Nghị quyết. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải phối hợp theo tinh thần đảm bảo tính thống nhất trong quản lý và điều hành của công ty. Đảm bảo đoàn kết nội bộ và sự tăng cường lẫn nhau trong lãnh đạo, chỉ đạo vì sự phát triển của Công ty và theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện nhiệm vụ thông qua Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Các trường hợp khẩn cấp theo đề xuất của Tổng Giám đốc phục vụ nhu cầu SXKD, HĐQT có trách nhiệm xử lý và trả lời chậm nhất trong vòng 07 (bảy) ngày kể từ khi nhận được tờ trình hoặc công văn đề nghị.

3. Phê duyệt các quy chế hoạt động:

a) Hội đồng quản trị phê duyệt các quy chế quản lý tài chính, quy chế tiền lương, tiền thưởng của công ty.

b) Tổng Giám đốc phê duyệt Quy chế làm việc và điều hành SXKD, các quy định, quy trình làm việc khác của công ty.

4. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc trong quan hệ với HĐQT

a) Tổng Giám đốc là người tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ. Trong khi tổ chức thực hiện nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho công ty thì Tổng Giám đốc phải báo cáo ngay với HĐQT để xem xét và điều chỉnh Nghị quyết, Quyết định (nếu cần). Trường hợp HĐQT không điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

Tổng Giám đốc có quyền từ chối thực hiện những Quyết định của HĐQT hoặc các thành viên HĐQT nếu trái với pháp luật, Điều lệ công ty hoặc Nghị quyết của ĐHĐCĐ, đồng thời thông báo ngay bằng văn bản cho Ban kiểm soát. Tổng Giám đốc tự chịu trách nhiệm về những ý kiến của mình trước pháp luật và HĐQT đối với vấn đề nói trên.

b) Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện việc lập báo về kết quả quá trình điều hành SXKD của mình, gửi HĐQT trước thời hạn họp HĐQT 03 (ba) ngày.



5. Hội đồng quản trị không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của Tổng Giám đốc công ty. HĐQT có thể tham dự các buổi họp giao ban của công ty, các cuộc họp xét duyệt các dự án đầu tư, đề án hợp tác.....do Tổng Giám đốc công ty chủ trì trước khi trình HĐQT xem xét phê duyệt.

6. Hàng năm nếu cần thiết, HĐQT có kế hoạch làm việc với đơn vị thành viên có vốn góp của công ty để kiểm tra giám sát việc triển khai kế hoạch SXKD và thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT để xử lý kịp thời các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền HĐQT.

7. Hội đồng quản trị sử dụng các phòng ban chức năng hoặc các chuyên viên của công ty để giúp HĐQT xem xét, cho ý kiến về các vấn đề liên quan.

8. Văn phòng công ty có trách nhiệm tổ chức quản lý hồ sơ, tài liệu và công văn giao dịch đi, đến của HĐQT theo quy định về văn thư, lưu trữ của công ty.

Các công văn, tài liệu giao dịch gửi đến của HĐQT, sau khi vào sổ theo dõi phải được chuyển tới Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để xử lý. Những công văn, tài liệu giao dịch của cổ đông hoặc của cơ quan cấp trên gửi đến công ty có nội dung liên quan đến thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT phải được sao gửi tới Chủ tịch HĐQT hoặc người được ủy quyền để phối hợp xử lý.

9. Các công văn, tài liệu giao dịch do HĐQT ban hành hoặc gửi đi được đăng ký theo mã số của HĐQT và văn bản lưu tại văn thư phải được quản lý riêng, đồng thời phải có bản lưu tại Thư ký công ty.

10. Hội đồng quản trị sử dụng con dấu của công ty để ban hành các văn bản thực hiện công tác lãnh đạo, quản lý trong công ty hoặc để thực hiện giao dịch với tổ chức, cá nhân ngoài công ty.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 24. Quan hệ với tổ chức Công đoàn

Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc công ty ký thỏa ước lao động tập thể với Ban chấp hành công đoàn cơ sở công ty và tạo điều kiện để Ban chấp hành công đoàn cơ sở tham gia giám sát việc sử dụng quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng được trích lập từ lợi nhuận hàng năm của công ty.

Điều 25. Quan hệ với cổ đông.

1. Hội đồng quản trị đảm bảo thực hiện quan hệ thường xuyên với các cổ đông của công ty, thể hiện bằng việc công bố các tài liệu, báo cáo tài chính định kỳ theo



quy định của Điều lệ công ty, cung cấp những thông tin quan trọng về hoạt động của công ty.

2. Hội đồng quản trị đảm bảo tính minh bạch trong quản lý điều hành về mọi mặt hoạt động của công ty, cũng như thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với các cổ đông theo quy định của Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị có trách nhiệm chỉ đạo xử lý kịp thời và công khai các kiến nghị, khiếu nại (nếu có) của cổ đông.

Điều 26. Người phát ngôn

1. Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm thay mặt công ty phát ngôn chính thức với cơ quan truyền thông, báo chí về các vấn đề liên quan của công ty.

2. Các thành viên HĐQT không được tự ý thay mặt công ty phát ngôn với cơ quan truyền thông báo chí, với cổ đông về các vấn đề liên quan đến công ty.

3. Chủ tịch và các thành viên HĐQT có trách nhiệm bảo quản và lưu trữ các tài liệu liên quan đến Công ty và không được cho các tổ chức, cá nhân khác mượn sao chụp, ghi chép các thông tin liên quan đến Công ty và làm ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai bao gồm [07 chương], [27 điều] và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



UBND TỈNH LÀO CAI
CTCP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI
Số: /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Lào Cai, ngày 10 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Đại hội đồng cổ đông về sửa đổi Quy chế hoạt động Ban kiểm soát công ty

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty CP
cấp nước tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ
Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty
đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Để hoàn thiện Quy chế hoạt động Ban kiểm soát công ty đảm bảo theo
đúng các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị Công ty kính trình
Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt
động của Ban kiểm soát công ty (*Nội dung sửa đổi kèm theo*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận

- Như kính gửi;
- HĐQT, BKS, Ban điều hành (để biết);
- Lưu: HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ngô Thanh Phương



C.TY CP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI
BAN KIỂM SOÁT
Số: /QĐ-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lào Cai, ngày tháng 04 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI

Căn cứ luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020;

Căn cứ điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai;

Căn cứ kết quả bầu Ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua ngày 10/04/2021;

Căn cứ biên bản họp bầu Trưởng Ban kiểm soát ngày 10/04/2021;

Căn cứ nội dung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai được các thành viên thống nhất.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Các thành viên Ban kiểm soát, thành viên HĐQT, Ban tổng giám đốc, các phòng ban, các chi nhánh trực thuộc, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT, BKS

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Lê Thị Hồng Vân



QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BKS ngày /4/2021)

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai được xây dựng trên những căn cứ pháp lý sau đây:

Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Luật Doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ;

Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính;

Điều lệ hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai năm 2021;

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số:..... ngày tháng 4 năm 2021.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này điều chỉnh hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai (dưới đây gọi là Ban kiểm soát), bao gồm các quy định về tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ, chế độ làm việc và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, nhằm kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.



3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp tại **điều 170** và **theo điều 39** Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên trong đó có 1 Trưởng ban và 2 thành viên kiêm nhiệm, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc **chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty**;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, (trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác);

đ) Không được làm việc trong phòng tài chính-kế toán của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty quy định.



2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát:

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty **quy định tại khoản 3 điều 37.**

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.



2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông **miễn nhiệm** thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông **bãi nhiệm** thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không thực hiện nghĩa vụ, nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;



- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động



kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng



cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.



2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty chi trả.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát, Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Thù lao và các lợi ích khác thành viên Ban kiểm soát.

3. Tổng kết các cuộc họp và kết luận kiến nghị của Ban kiểm soát, kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

4. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông.

5. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông lựa chọn danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty.



Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

1. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập để thực hiện nhiệm vụ được giao với mức hợp lý.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT



Điều 19. Mọi quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị, ĐHĐCĐ và cổ đông

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị. Theo dõi việc chỉ đạo của HĐQT trong việc chấn chỉnh và xử lý sai phạm theo kiến nghị của Ban kiểm soát sau mỗi lần kiểm tra, phúc tra. **Đề xuất, kiến nghị** cho HĐQT Công ty về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập hoặc đề xuất về việc thuê chuyên gia.

2. Đối với Cổ đông: Ban kiểm soát và các thành viên của Ban kiểm soát phải luôn coi trọng lợi ích của Cổ đông, chịu trách nhiệm trước Cổ đông về việc thẩm định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Công ty.

3. Tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai bao gồm VII chương, 21 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2021.

2. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm thực hiện; thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm hỗ trợ, giúp đỡ Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ.

3. Trong quá trình thực hiện mọi ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung quy chế được phản ánh bằng văn bản cho Ban kiểm soát để Ban kiểm soát xem xét quyết định./.

**TM BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Lê Thị Hồng Vân



UBND TỈNH LÀO CAI
C.TY CP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI

Số: /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 10 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020
(niên độ tài chính 01/01/2020 → 31/12/2020)**

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 29/6/2018;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung báo cáo tài chính Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO kiểm toán ký ban hành ngày 26 tháng 02 năm 2021.

Bản báo cáo tài chính của công ty được đăng tải cùng báo cáo thường niên trên trang website của công ty tại địa chỉ: capnuoclaocai.com.vn hoặc capnuoclaocai.vn

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT, Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Ngô Thanh Phương

UBND TỈNH LÀO CAI
C.TY CP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI

Số: /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 10 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020,
Dự kiến phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021**

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 29/6/2018;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO;

Căn cứ phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch SXKD năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ văn bản số 1389/UBND-TH ngày 03/4/2020 của UBND tỉnh Lào Cai về việc chấp thuận nội dung phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức năm 2019 của Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức cổ tức năm 2020, dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức cổ tức năm 2021 cụ thể:

1. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức cổ tức năm 2020 như sau:

Số TT	Nội dung	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VNĐ)
1	Lợi nhuận trước thuế		16.344.431.914
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.159.413.275
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1-2)		15.185.018.639
5	Lợi nhuận phân phối kỳ này	100	15.185.018.639
6	Phương án phân phối lợi nhuận như sau		
a	Quỹ đầu tư phát triển	5,75	873.138.572
b	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26,91	4.086.045.067
c	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	2,0	303.942.600
d	Tỷ lệ chia cổ tức 5,6% (= 560đ/cổ phiếu)	65,34	9.921.892.400

2. Dự kiến phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, mức cổ tức năm 2021 như sau:



Số TT	Nội dung	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	100	13.685.000.000
2	Phương án phân phối lợi nhuận như sau		
a	Quỹ đầu tư phát triển	5,75	786.887.500
b	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (bằng 1,48 tháng lương BQ thực hiện người lao động)	27,37	3.745.584.500
c	Quỹ khen thưởng Ban điều hành (bằng 1,45 tháng lương BQ thực hiện người quản lý)	2,15	294.227.500
d	Chia cổ tức 5,0%	64,73	8.858.300.500

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
Xin chân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ngô Thanh Phương

UBND TỈNH LÀO CAI
C.TY CP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /TTr-HĐQT

Lào Cai, ngày 10 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v thông qua quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của thành viên HĐQT,
Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2021
Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 29/6/2018;

Căn cứ kết quả hoạt động SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát (*sau đây gọi là người quản lý công ty*) như sau:

1. Quyết toán quỹ tiền lương, thù lao năm 2020

Số TT	Nội dung	Số người	Mức lương + thù lao/tháng/người	Quỹ tiền lương, thù lao 2019
I	Tiền lương			2.431.540.800
1	Chủ tịch HĐQT	1	33.736.800	
2	Tổng Giám đốc	1	31.309.100	
3	Phó Tổng giám đốc	1	28.730.500	
4	Phó Tổng giám đốc	2	27.736.200	
5	Trưởng ban kiểm soát	1	27.736.200	
6	Kế toán trưởng	1	24.646.400	
II	Thù lao			72.000.000
	Thành viên ban kiểm soát (không chuyên trách)	2	3.000.000	72.000.000
III	Tổng cộng			2.503.540.800

2. Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao năm 2021

Số TT	Nội dung	Số người	Mức lương, thù lao/tháng	Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng
I	Tiền lương			2.431.540.200
1	Chủ tịch HĐQT	1	32.222.100	
2	Tổng giám đốc	1	30.933.200	



3	Phó Tổng giám đốc	3	28.746.000	
4	Trưởng ban kiểm soát	1	28.746.000	
5	Kế toán trưởng	1	24.489.100	
II	Thù lao			168.000.000
1	Thành viên HĐQT không điều hành	2	4.000.000	96.000.000
2	Thành viên ban kiểm soát không chuyên trách	2	3.000.000	72.000.000
III	Tổng cộng			2.599.540.200

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Ngô Thanh Phương



Edited with the trial version of
Foxit Advanced PDF Editor

To remove this notice, visit:
www.foxitsoftware.com/shopping

UBND TỈNH LÀO CAI
C.TY CP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI
Số: /TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Lào Cai, ngày 10 tháng 4 năm 2021

TỜ TRÌNH
V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội Đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty CP
cấp nước tỉnh Lào Cai

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai
đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 29/6/2018;

Căn cứ đề nghị của Ban kiểm soát công ty tại văn bản số 03/TTr-BKS ngày
12/3/2021 về việc lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài
chính năm 2020 của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai;

Sau khi xem xét năng lực của các công ty kiểm toán độc lập, Hội đồng quản
trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông danh sách 04 công ty kiểm toán sau
đây:

1. Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội.

2. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà, Ngõ 165 đường Cầu Giấy - Hà Nội.

3. Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - CPA Hà Nội

Địa chỉ: số 3 - Ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai – Hà Nội

4. Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Địa chỉ: Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 đường Lê Văn Lương,
phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và uỷ quyền cho Hội đồng quản
trị Công ty chọn 01 trong 04 đơn vị nói trên kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021
của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT, Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Ngô Thanh Phương

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày tháng 4 năm 2021

GIẤY ĐỀ NGHỊ
ĐỀ CỬ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI NHIỆM KỲ 2021-2026

Kính gửi: Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai.

Tôi tên là: **Ngô Thanh Phương** Điện thoại: **0913287761**

Số CMND: **063013948** cấp ngày: **01/6/2012** tại: **Công an tỉnh Lào Cai.**

Địa chỉ: **số nhà 423, đường Hoàng Liên, Phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.**

là người đại diện của cổ đông Pháp nhân⁽²⁾: **UBND tỉnh Lào Cai**

Giấy CNĐKDN số⁽³⁾: do Cấp ngày: ... / ... /

Hiện đang sở hữu: **16.336.965 cổ phần (Bằng chữ: Mười sáu triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn, chín trăm sáu mươi lăm cổ phần)**

Sau khi nghiên cứu Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai và các quy định hiện hành. Tôi trân trọng đề cử các ứng viên có tên sau tham gia làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026:

*** Ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:**

(1) Ông: Phạm Hồng Quảng

Điện thoại: 0913.287.763

Sinh ngày: 11/12/1970.

Số CMND: 063042868 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 16/5/2014.

Địa chỉ thường trú: đường Tôn Thất Thuyết, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư xây dựng.

Làm ứng viên **Hội đồng quản trị** Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2021-2026.

(2) Ông: Nguyễn Quốc Huy

Điện thoại: 0913.287.762

Sinh ngày: 13/11/1972.

Số CMND: 063042780 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 09/11/2012.

Địa chỉ thường trú: đường Lương Văn Can, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Làm ứng viên **Hội đồng quản trị** Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2021-2026.

(3) Ông: Lê Văn Mật

Điện thoại: 0915.107.630

Sinh ngày: 17/5/1973.

Số CMND: 063013955 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 27/11/2006.

Địa chỉ thường trú: đường Tôn Thất Thuyết, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cấp thoát nước.

Làm ứng viên **Hội đồng quản trị** Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2021-2026.

(4) Ông: Trịnh Tiến Hùng

Điện thoại: 0987.999.146

Sinh ngày: 01/01/1985.

Số CMND: 063121036 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 17/02/2016.

Địa chỉ thường trú: đường Lê Đại Hành, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ đô thị và công trình, Kỹ sư cấp thoát nước.

Làm ứng viên **Hội đồng quản trị** Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2021-2026.

(5) Ông: Phùng Ngọc Minh

Điện thoại: 0985.835.621

Sinh ngày: 11/12/1985.

Số CMND: 063109468 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 09/9/2016.

Địa chỉ thường trú: Tổ 7, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Kỹ sư đô thị chuyên ngành cấp thoát nước.

Làm ứng viên **Hội đồng quản trị** Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2021-2026.

*** Ứng viên thành viên Ban Kiểm soát:**

(1) Bà: Lê Thị Hồng Vân

Điện thoại: 0912.983.877

Sinh ngày: 26/4/1974

Số CMND: 063042788 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 13/8/2007.

Địa chỉ thường trú: đường Lý Công Uẩn, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Làm ứng viên **Ban Kiểm soát** Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2021-2026.

(2) Ông: Lê Hữu Bằng

Điện thoại: 0974.971.234

Sinh ngày: 26/3/1983

Số CMND: 063316622 cấp ngày 08/11/2012 tại Công an tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ thường trú: Phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

Làm ứng viên **Ban Kiểm soát** Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2021-2026.

(3) Ông: Lê Kim Cương

Điện thoại: 0989.193.369

Sinh ngày: 13/10/1973

Số CMND: 063013928 cấp ngày 10/8/2012 tại Công an tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ thường trú: số nhà 386, đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước.

Làm ứng viên **Ban Kiểm soát** Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2021-2026.

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch của các ứng viên.
- Bản sao công chứng CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu của các ứng viên
- Bản sao công chứng về bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn của các ứng viên.
- Bản cam kết tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin trong hồ sơ ứng cử.

NGƯỜI ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lào Cai, ngày 31 tháng 3 năm 2021

**DANH SÁCH ỨNG VIÊN THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI NHIỆM KỲ 2021-2026**

*** Ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:**

(1) Ông: Phạm Hồng Quảng

Điện thoại: 0913.287.763

Sinh ngày: 11/12/1970.

Số CMND: 063042868 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 16/5/2014.

Địa chỉ thường trú: đường Tôn Thất Thuyết, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư xây dựng.

(2) Ông: Nguyễn Quốc Huy

Điện thoại: 0913.287.762

Sinh ngày: 13/11/1972.

Số CMND: 063042780 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 09/11/2012.

Địa chỉ thường trú: đường Lương Văn Can, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

(3) Ông: Lê Văn Mật

Điện thoại: 0915.107.630

Sinh ngày: 17/5/1973.

Số CMND: 063013955 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 27/11/2006.

Địa chỉ thường trú: đường Tôn Thất Thuyết, phường Lào Cai, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cấp thoát nước.

(4) Ông: Trịnh Tiến Hùng

Điện thoại: 0987.999.146

Sinh ngày: 01/01/1985.

Số CMND: 063121036 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 17/02/2016.

Địa chỉ thường trú: đường Lê Đại Hành, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ đô thị và công trình, Kỹ sư cấp thoát nước.

(5) Ông: Phùng Ngọc Minh

Điện thoại: 0985.835.621

Sinh ngày: 11/12/1985.

Số CMND: 063109468 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 09/9/2016.

Địa chỉ thường trú: Tổ 7, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kỹ thuật cơ sở hạ tầng, Kỹ sư đô thị chuyên ngành cấp thoát nước.

*** Ứng viên thành viên Ban Kiểm soát:**

(1) Bà: Lê Thị Hồng Vân

Điện thoại: 0912.983.877

Sinh ngày: 26/4/1974

Số CMND: 063042788 do Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 13/8/2007.

Địa chỉ thường trú: đường Lý Công Uẩn, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

(2) Ông: Lê Hữu Bằng

Điện thoại: 0974.971.234

Sinh ngày: 26/3/1983

Số CMND: 063316622 cấp ngày 08/11/2012 tại Công an tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ thường trú: Phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

(3) Ông: Lê Kim Cương

Điện thoại: 0989.193.369

Sinh ngày: 13/10/1973

Số CMND: 063013928 cấp ngày 10/8/2012 tại Công an tỉnh Lào Cai.

Địa chỉ thường trú: số nhà 386, đường Hoàng Liên, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cấp thoát nước.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 2021

GIẤY ĐỀ NGHỊ

ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ (1)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI NHIỆM KỲ 2021-2026

Kính gửi: Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai.

Tôi tên là: Điện thoại:

Số CMND: cấp ngày: .../.../..... tại:.....

Địa chỉ:

là người đại diện của cổ đông Pháp nhân⁽²⁾:

..... Giấy CNĐKDN số⁽³⁾:

do cấp ngày: ... / ... /

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ: cổ phần)

Sau khi nghiên cứu Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai và các quy định hiện hành. Tôi/Chúng tôi trân trọng đề cử ứng viên/các ứng viên:

Ông/Bà: Điện thoại:

Số CMND: cấp ngày: .../.../..... tại:.....

Địa chỉ:

Trình độ chuyên môn:

Làm ứng viên⁽⁴⁾: của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2021-2026.

Hồ sơ kèm theo:

- Sơ yếu lý lịch ứng viên (theo mẫu).
- Bản sao công chứng CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu.
- Bản sao công chứng về bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.
- Bản cam kết tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin trong hồ sơ ứng cử.

...

NGƯỜI ĐỀ CỬ/ỨNG CỬ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: ⁽¹⁾, ⁽⁴⁾: Ghi rõ vị trí ứng cử, đề cử: Thành viên HĐQT, Thành viên BKS; ⁽²⁾, ⁽³⁾: Chi điền thông tin nếu có. Nếu cổ đông có đủ cổ phần để giới thiệu nhiều ứng viên thì kê thông tin lần lượt từng ứng viên theo mẫu.



II. THÔNG TIN KHÁC

- Chức vụ công tác hiện nay:

.....

- Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

.....

- Số cổ phần nắm giữ: cổ phần.

Trong đó:

+ Số cổ phần sở hữu: cổ phần.

+ Số cổ phần đại diện sở hữu: cổ phần.

+ Tên tổ chức ủy quyền đại diện:

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật và bản thân hoàn toàn đáp ứng đủ tiêu chuẩn làm thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 2021-2026 theo quy định, nếu sai tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm.

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN LÀM VIỆC
HOẶC ĐỊA PHƯƠNG NƠI CƯ TRÚ**

....., ngàythángnăm 2021

NGƯỜI KHAI
(ký, ghi rõ họ tên)



ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CTCP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2021/BB-ĐHĐCĐ

Lào Cai, ngày 10 tháng 4 năm 2021

BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI

Hôm nay vào hồi 07h30' ngày 10 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường công ty đồi 117 nhà máy nước Lào Cai, phường Lào Cai, TP Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai được tiến hành với các nội dung sau:

1. Khai mạc đại hội đồng cổ đông.

1.1. Thành phần tham dự Đại hội

Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông được quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai là ... người, sở hữu và đại diện cho tổng số cổ phần, tương đương với% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Tổng số cổ đông và đại diện cổ đông thực tế dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai làngười, sở hữu và đại diện đối với cổ phần, tương đương với% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai.

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai đã hội đủ các điều kiện để tiến hành. Các cổ đông và đại diện cổ đông dự họp có quyền biểu quyết theo số cổ phần mà họ sở hữu hoặc đại diện.

1.2. Chương trình Đại hội và quy chế áp dụng tại Đại hội

Đại hội đã nghe Ông Lê Văn Mật thay mặt Ban tổ chức đọc Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; Quy chế đại hội.

Đại hội đã nhất trí 100% thông qua nội dung Chương trình Đại hội; Quy chế đại hội.

1.3. Khai mạc Đại hội

Đại hội đã tiến hành các thủ tục:

- Tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự Đại hội.
- Báo cáo công tác kiểm tra tư cách cổ đông và điều kiện tiến hành Đại hội.
- Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký và đề xuất Ban kiểm phiếu để Đại hội lựa chọn bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

1.3.1 Chủ tọa Đại hội và thành phần Đoàn chủ tịch

Đại hội đã thông qua Đoàn chủ tịch gồm 05 người:

Ông: Ngô Thanh Phương : Chủ tọa Đại hội



Ông: Phạm Phương Thanh : Thành viên Đoàn Chủ tịch
Ông: Phạm Hồng Quảng : Thành viên Đoàn Chủ tịch
Ông: Lê Văn Mật : Thành viên Đoàn Chủ tịch
Bà: Phạm Thị Hằng : Thành viên Đoàn Chủ tịch

1.3.2 Ban Thư ký Đại hội

Đại hội đã thông qua Ban Thư ký gồm 02 người:

Ông: Phùng Ngọc Minh : Trưởng ban
Bà: Nguyễn Thúy Phượng : Ủy viên

1.3.3 Ban kiểm phiếu

Đại hội đã thông qua Ban kiểm phiếu gồm 05 người:

Ông: Nguyễn Quốc Huy : Trưởng ban
Ông: Lê Hoàng Vũ : Ủy viên
Ông: Trịnh Tiến Hùng : Ủy viên
Ông: Trần Văn Quỳnh : Ủy viên
Ông: Trần Văn Hạnh : Ủy viên

2. Các nội dung được trình bày trong đại hội.

2.1. Ông **Phạm Hồng Quảng** - Tổng Giám đốc công ty thay mặt cho Đoàn chủ tịch trình bày Báo cáo kết quả SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021.

2.2. Ông **Ngô Thanh Phương** - Chủ tịch HĐQT công ty thay mặt cho Đoàn chủ tịch trình bày Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021.

2.3. Bà **Lê Thị Hồng Vân** - Trưởng BKS công ty trình bày Báo cáo kết quả hoạt động của BKS năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021.

2.4. Bà **Phạm Thị Hằng** - PTGD công ty thay mặt cho Đoàn chủ tịch trình bày:

- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020.
- Tờ trình thông phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020; dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021.
- Tờ trình thông qua quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát.
- Tờ trình thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021

3. Thảo luận của cổ đông tại Đại hội.

3.1 Tham luận của cổ đông:

3.2 Ý kiến của cổ đông: các cổ đông không có kiến.

4. Đại hội tiến hành biểu quyết.

- Thông qua báo cáo của Ban TGD về kết quả SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021.
- Thông qua các báo cáo của HĐQT và BKS về kết quả hoạt động năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021.
- Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020.



- Thông phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020; dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021.

- Thông qua quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát.

- Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021.

5. Kết quả biểu quyết tại Đại hội:

Ông Ngô Thanh Phương Chủ tọa Đại hội, căn cứ vào kết quả biểu quyết tại Đại hội tuyên bố các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua gồm:

5.1. Thông qua báo cáo của Ban TGD về kết quả SXKD năm 2020, kế hoạch SXKD năm 2021.

Đại hội nhất trí thông qua với phiếu, đại diện cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

5.2. Thông qua báo cáo của HĐQT, BKS năm 2020 và phương hướng nhiệm vụ năm 2021.

Đại hội nhất trí thông qua với ...phiếu, đại diện cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

5.3. Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020.

Đại hội nhất trí thông qua với phiếu, đại diện cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

5.4. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020; dự kiến kế hoạch phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021.

Đại hội nhất trí thông qua với phiếu, đại diện cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

5.5. Thông qua quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của thành viên HĐQT, Ban TGD, Ban kiểm soát.

Đại hội nhất trí thông qua với phiếu, đại diện cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

5.6. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021.

Đại hội nhất trí thông qua vớiphiếu, đại diện cổ phần có quyền biểu quyết, đạt tỷ lệ% cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

6. Bầu thành viên Hội Đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

6.1. Thông qua Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Ông Ngô Thanh Phương - Chủ tọa Đại hội thông qua Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, kết quả cụ thể:



- *Tán thành: cổ phần, đạt% tổng cổ phần biểu quyết có mặt tại Đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần.*

6.2. Thông qua danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty, Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021; Thư đề cử/ứng cử hợp lệ của các cổ đông.

Ông Ngô Thanh Phương - Chủ tọa Đại hội thông qua danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, để Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua, cụ thể:

*** Ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:**

1. Ông Phạm Hồng Quảng.
2. Ông Nguyễn Quốc Huy.
3. Ông Lê Văn Mật.
4. Ông Trịnh Tiến Hùng.
5. Ông Phùng Ngọc Minh.

*** Ứng viên thành viên Ban Kiểm soát:**

1. Bà Lê Thị Hồng Vân.
2. Ông Lê Hữu Bằng.
3. Ông Lê Kim Cương.

Đại hội biểu quyết thông qua danh sách ứng viên, kết quả cụ thể:

- *Tán thành: cổ phần, đạt% tổng cổ phần biểu quyết có mặt tại Đại hội.*
- *Không tán thành: 0 cổ phần.*
- *Không có ý kiến: 0 cổ phần.*

6.3. Bầu thành viên Hội Đồng quản trị

Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty, Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Đại hội đã tổ chức bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026.

- Hình thức bầu cử: bỏ phiếu kín theo phương thức dồn phiếu

Các ông, bà có tên sau đã trúng cử Hội đồng quản trị:

- (1) Ông: Phạm Hồng Quảng - được phiếu =%.
- (2) Ông: Nguyễn Quốc Huy - được phiếu =%.
- (3) Ông: Lê Văn Mật - được phiếu =%.
- (4) Ông: Trịnh Tiến Hùng - được phiếu =%.
- (5) Ông: Phùng Ngọc Minh - được phiếu =%.

(Có biên bản kiểm phiếu bầu Hội đồng quản trị kèm theo).

6.4 Bầu thành viên Ban kiểm soát



Căn cứ Luật Doanh nghiệp 2020, Điều lệ Công ty, Quy chế Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Đại hội đã tổ chức bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026.

- Hình thức bầu cử: bỏ phiếu kín theo phương thức dồn phiếu

Các ông, bà có tên sau đã trúng cử Ban Kiểm soát:

(1) Bà: Lê Thị Hồng Vân - được phiếu =%.

(2) Ông: Lê Hữu Bằng - được phiếu =%.

(3) Ông: Lê Kim Cương - được phiếu =%.

(Có biên bản kiểm phiếu bầu Ban Kiểm soát kèm theo).

Biên bản được thông qua tại Đại hội./.

**TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Phùng Ngọc Minh

Ngô Thanh Phương



**DHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CTCP CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ

Lào Cai, ngày 10 tháng 4 năm 2021

**NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP cấp nước tỉnh Lào Cai đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua ngày 29/6/2018;

Căn cứ Biên bản kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Cấp nước tỉnh Lào Cai ngày 10/4/2021;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Cấp nước tỉnh Lào Cai ngày 10/4/2021;

Đại hội đồng cổ đông đã nhất trí quyết nghị thông qua nghị quyết của Đại hội với các nội dung chính như sau,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020, dự kiến phương án phân phối lợi nhuận 2021:

1. Phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2020:

Số TT	Nội dung	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VNĐ)
1	Lợi nhuận trước thuế		16.344.431.914
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.159.413.275
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (1-2)	100	15.185.018.639
4	Phương án phân phối lợi nhuận như sau		
a	Quỹ đầu tư phát triển	5,75	873.138.572
b	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26,91	4.086.045.067
c	Quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp	2,0	303.942.600
d	Tỷ lệ chia cổ tức 5,6% /Vốn góp của Chủ sở hữu	65,34	9.921.892.400

2. Dự kiến phương án phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức năm 2021:

Số TT	Nội dung	Tỷ lệ (%)	Số tiền (VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	100	13.685.000.000
2	Phương án phân phối lợi nhuận như sau		
a	Quỹ đầu tư phát triển	5,75	786.887.500
b	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (1,48 tháng lương NLĐ)	27,37	3.745.584.500
c	Quỹ khen thưởng người quản lý doanh nghiệp (1,45 tháng lương NQL)	2,15	294.227.500
d	Chia cổ tức 5% /Vốn góp của Chủ sở hữu	64,73	8.858.300.500

Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban TGD về kết quả SXKD năm 2020, kế



hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021
1. Tổng doanh thu	Tỷ đồng	142,713	143,668
- Doanh thu SX nước sạch	Tỷ đồng	140,689	142.668
- Doanh thu XL + khác	Tỷ đồng	2,024	1.000
2. Sản lượng nước TP	Triệu m ³	16,754	17,149
3. Giá tiêu thụ bình quân	Đồng	8.397	8.319
4. Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	15,185	13,685
5. Phát triển khách hàng	Hộ	1.965	2.000
6. Thay thế đồng hồ theo DA	Cái	1.396	1.800
7. Tỷ lệ thất thoát	%	24,6	24
8. Nộp ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	17,142	15,1
9. Thu nhập BQ/người/tháng	Tr.đồng	8,8	8,8
<i>Trong đó tiền lương BQ</i>	<i>Tr.đồng</i>	<i>7,5</i>	<i>7,4</i>
10. Chia cổ tức	%	5,6	5

Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền cho HĐQT được phép điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của công ty.

Điều 3. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT, BKS năm 2020, phương hướng nhiệm vụ năm 2021.

Điều 4. Thông qua báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.

Điều 5. Thông qua quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:

1. Quyết toán quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2020:

Số TT	Nội dung	Số người	Mức lương + thù lao/tháng/người	Quỹ tiền lương, thù lao 2019
I	Tiền lương			2.431.540.800
1	Chủ tịch HĐQT	1	33.736.800	
2	Tổng Giám đốc	1	31.309.100	
3	Phó Tổng giám đốc	1	28.730.500	
4	Phó Tổng giám đốc	2	27.736.200	
5	Trưởng ban kiểm soát	1	27.736.200	
6	Kế toán trưởng	1	24.646.400	
II	Thù lao			72.000.000
	Thành viên ban kiểm soát (không chuyên trách)	2	3.000.000	72.000.000
III	Tổng cộng			2.503.540.800

2. Kế hoạch quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng năm 2021:

Số TT	Nội dung	Số người	Mức lương, thù lao/tháng	Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng
I	Tiền lương			2.431.540.200
1	Chủ tịch HĐQT	1	32.222.100	
2	Tổng giám đốc	1	30.933.200	
3	Phó Tổng giám đốc	3	28.746.000	
4	Trưởng ban kiểm soát	1	28.746.000	
5	Kế toán trưởng	1	24.489.100	
II	Thù lao			168.000.000
1	Thành viên HĐQT không điều hành	2	4.000.000	96.000.000
2	Thành viên ban kiểm soát không chuyên trách	2	3.000.000	72.000.000
III	Tổng cộng			2.599.540.200

Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách được tính vào chi phí SXKD của Công ty.

Điều 6. Thông qua danh sách 04 công ty kiểm toán: (1) Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, trụ sở chính: Số 01 Lê Phụng Hiểu - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội; (2) Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE), trụ sở chính: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà, Ngõ 165 đường Cầu Giấy - Hà Nội; (3) Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội – CPA Hà Nội, địa chỉ: số 3 - Ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai – Hà Nội; (4) Công ty TNHH Kiểm toán VACO, trụ sở chính: Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 Lê Văn Lương, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội và Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn 01 trong 04 công ty trên kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2021.

Điều 7. Thông qua các nội dung sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty năm 2021, Quy chế nội bộ về quản trị công ty năm 2021, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 8. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

1. Thành viên Hội đồng quản trị gồm các ông/bà có tên sau:

- (1) Ông Phạm Hồng Quảng
- (2) Ông Nguyễn Quốc Huy
- (3) Ông Lê Văn Mật
- (4) Ông Trịnh Tiến Hùng
- (5) Ông Phùng Ngọc Minh

2. Thành viên Ban Kiểm soát gồm các ông/bà có tên sau:

- (1) Bà Lê Thị Hồng Vân



- (2) Ông Lê Hữu Bằng
- (3) Ông Lê Kim Cương

Điều 9. Điều khoản thi hành.

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 10/4/2021.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và những người có liên quan có trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này, đảm bảo lợi ích của Cổ đông, Công ty và tuân thủ theo các quy định của Pháp luật.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Các thành viên HĐQT;
- Ban Tổng Giám đốc;
- Ban Kiểm soát;
- Lưu VT, Thư ký.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**

Ngô Thanh Phương